

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4678 /VP-NCKTGS

Hải Phòng, ngày 24 tháng 10 năm 2024

V/v tổng kết 10 năm thực hiện Công
ước UNTOC và Nghị định TIP

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình tại Văn bản số 7580/VPCP-NC ngày 16/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về tổng kết 10 năm thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP (gửi kèm theo),

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

1. Giao các Sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; nghiên cứu kỹ báo cáo và các kiến nghị, đề xuất, chủ động có giải pháp cụ thể khắc phục những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trong Báo cáo số 2037/BC-BCA-V03 ngày 06/9/2024 của Bộ Công an; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố những vấn đề vượt thẩm quyền (qua Công an thành phố).

2. Giao Công an thành phố chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo để các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND TP;
- CVP, PCVP Tr.V.Thiện;
- Phòng: NCKTGS;
- Lưu: VT, NCKTGS6.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Văn Thiện

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7580/VPCP-NC
V/v tổng kết 10 năm thực hiện
Công ước UNTOC và Nghị định
thư TIP

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2024

VĂN PHÒNG UBND TP HÀ NỘI

Số: 1436
ĐẾN Ngày: 16/10/2024
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT N.V.Tùng	X	
PCT TT L.A.Quân		X
PCT L.K.Nam		
PCT N.Đ.Thọ		
PCT H.M.Cường		
CVP T.H.Kiên		
PCVP T.V.Thiên		
PCVP P.A.Tuân		
PCVP P.H.Hoàng		
P. XDGTCT		
P. VX		
P. NNTNMT		
P. TCNS		
P. NC&KTGS		
P. TH		
P. KSTTHC		
VP BCSD		
BAN TCD		
P. HCTC		
P. QTTV		
CTTĐT		
TTHN & NKTP		

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Xét báo cáo của Bộ Công an tại văn bản số 2037/BC-BCA-V03 ngày 06 tháng 9 năm 2024 về Tổng kết 10 năm thực hiện Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước UNTOC) và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Nghị định thư TIP) - sao gửi kèm theo, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình có ý kiến như sau:

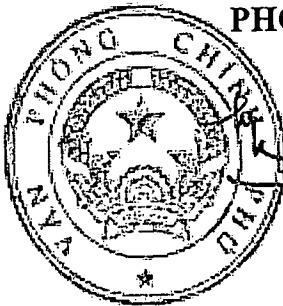
Đồng ý đề xuất, kiến nghị của Bộ Công an tại văn bản nêu trên. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; đồng thời, nghiên cứu các kiến nghị, đề xuất để có giải pháp cụ thể khắc phục những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trong Báo cáo của Bộ Công an, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề vượt thẩm quyền.

Văn phòng Chính phủ thông báo để các cơ quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg, PTTg TT Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Cục V03 (Bộ Công an);
- VPCP: BTCN, PCN Cao Huy, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, PL, QHQT;
- Lưu: VT, NC(2) DTH

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM



Cao Huy

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2037/BC-BCA-V03

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên

VĂN PHÒNG CHÍNH QUỐC GIA và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị và trấn áp nạn
CÔNG VĂN ĐẾN
buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em

GiờC/ Ngày 13/9
Kính chuyển.....NC

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Luật Điều ước quốc tế năm 2016, triển khai Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước UNTOC) và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Nghị định thư TIP), đồng thời, thực hiện chức năng cơ quan chủ trì triển khai Kế hoạch tổng kết nêu trên, Bộ Công an đã phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP. Trên cơ sở báo cáo tổng kết của các cơ quan, đơn vị nêu trên Bộ Công an báo cáo kết quả triển khai thi hành Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP. Báo cáo tổng kết gồm ba phần, cụ thể là:

Phần thứ nhất: Khái quát tình hình tổ chức thực thi Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung trên thế giới; công tác chỉ đạo tổ chức tổng kết Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP của Việt Nam

Phần thứ hai: Kết quả 10 năm triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP của Việt Nam

Phần thứ ba: Kiến nghị, đề xuất

Phần thứ nhất

**KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC THI CÔNG ƯỚC UNTOC
VÀ CÁC NGHỊ ĐỊNH THƯ BỔ SUNG TRÊN THẾ GIỚI;
CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC TỔNG KẾT CÔNG ƯỚC UNTOC
VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ TIP CỦA VIỆT NAM**

I. Khái quát về tình hình tổ chức thực thi Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung trên thế giới

1. Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung

Công ước UNTOC được thông qua ngày 15/11/2000 và là điều ước quốc tế (ĐUQT) có hiệu lực rộng rãi nhất về vấn đề tư pháp, hình sự và phòng, chống

tội phạm. Công ước được mở cho tất cả thành viên Liên hợp quốc ký từ ngày 12 đến ngày 15/12/2000 tại Pa-léc-mô, I-ta-li-a và sau đó là tại trụ sở Liên hợp quốc ở Niu-oóc, Hoa Kỳ đến ngày 12/12/2002. Sau khi có 40 quốc gia phê chuẩn, Công ước UNTOC có hiệu lực từ ngày 29/9/2003, và đến nay đã có 192 thành viên.

Mục đích đầu tiên và cơ bản nhất của Công ước UNTOC là thúc đẩy sự hợp tác giữa các quốc gia để ngăn ngừa và trừng phạt tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia một cách hiệu quả. Công ước UNTOC gồm có 41 điều quy định cơ sở pháp lý quốc tế cho hợp tác trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, xác định phạm vi, nguyên tắc, thủ tục và các biện pháp tương trợ pháp lý về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người bị kết án phạt tù; hợp tác quốc tế điều tra, truy tố và xét xử tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; trợ giúp, bảo vệ những nạn nhân của loại tội phạm này. Mục đích thứ hai của Công ước UNTOC là tăng cường năng lực của các nước thành viên trong phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Để đạt mục đích này, Công ước đặt ra một số tiêu chuẩn tối thiểu và yêu cầu các nước thành viên thông qua chính sách, những biện pháp lập pháp, hành chính và các biện pháp khác trên cơ sở những tiêu chuẩn đó để có thể chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia một cách hiệu quả trên lãnh thổ của mình. Công ước UNTOC không ngăn cản các nước thành viên, đơn phương hoặc trên cơ sở các thoả thuận song phương với các nước khác, thông qua và tiến hành những biện pháp chặt chẽ và mạnh hơn các tiêu chuẩn tối thiểu quy định trong Công ước UNTOC.

Có 03 Nghị định thư bổ sung của Công ước UNTOC, bao gồm:

- Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (Nghị định thư TIP), có hiệu lực vào ngày 25/12/2003, đến nay đã có 182 thành viên. Nghị định thư TIP gồm lời nói đầu và 20 điều, được chia thành 4 phần. Phần I. Các quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 5); Phần II. Bảo vệ các nạn nhân của việc buôn bán người (từ Điều 6 đến Điều 8); Phần III. Phòng ngừa, hợp tác và các biện pháp khác (từ Điều 9 đến Điều 13) và Phần IV. Các điều khoản cuối cùng (từ Điều 14 đến Điều 20).

- Nghị định thư về chống đưa người di cư bất hợp pháp bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, có hiệu lực vào ngày 28/01/2004, đến nay đã có 152 thành viên.

- Nghị định thư về chống mua bán bất hợp pháp vũ khí, đạn dược, có hiệu lực vào ngày 03/7/2005, đến nay đã có 122 thành viên.

Công ước UNTOC và 03 Nghị định thư bổ sung có mối quan hệ chặt chẽ. Điều 37 Công ước UNTOC quy định một nước có thể trở thành thành viên của Công ước mà không nhất thiết phải tham gia một hay nhiều Nghị định thư bổ sung. Tuy vậy, để trở thành thành viên của một Nghị định thư, một quốc gia

hoặc một tổ chức hội nhập kinh tế khu vực phải là thành viên của Công ước UNTOC. Bất kỳ nghị định thư nào của Công ước cũng sẽ được giải thích và áp dụng cùng với Công ước, có tính đến mục đích của Nghị định thư đó.

Ngày 29/12/2011, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCN) đã ký Quyết định số 2549/2011/QĐ-CTN về việc phê chuẩn Công ước UNTOC và Quyết định số 2550/2011/QĐ-CTN về việc gia nhập Nghị định thư TIP. Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 08/7/2012.

2. Tình hình triển khai Cơ chế đánh giá Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung của các quốc gia thành viên

2.1. Quy trình thực hiện Cơ chế đánh giá

Để đánh giá quá trình thực thi Công ước UNTOC của các quốc gia thành viên, Hội nghị các quốc gia thành viên (kỳ họp lần thứ 9) năm 2018 đã thống nhất sử dụng cơ chế đánh giá chung đối với tất cả quốc gia. Theo đó, Cơ chế đánh giá thực thi Công ước (sau đây gọi là Cơ chế đánh giá) là một quá trình liên chính phủ, áp dụng đối với tất cả các quốc gia thành viên và để đánh giá kiểm điểm việc thực thi Công ước UNTOC và 03 Nghị định thư bổ sung Công ước. Hội nghị cũng thông qua Nghị quyết số 9/1 ban hành Quy trình và thủ tục thực hiện Cơ chế đánh giá với vai trò là một công cụ:

- Nâng cao năng lực của các quốc gia thành viên trong việc ngăn ngừa và đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và để đánh giá hiệu quả thực thi Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung.

- Giúp các quốc gia thành viên xác định và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho việc thực thi Công ước UNTOC.

- Tập hợp các thông tin về quy định pháp luật, thành công, thực tiễn tốt và những thách thức của các quốc gia thành viên trong quá trình triển khai Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung; đồng thời khuyến khích trao đổi thông tin, trợ giúp trong quá trình triển khai.

- Tăng cường hợp tác quốc tế theo quy định của Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung.

Việc triển khai Cơ chế đánh giá không tạo ra bất kỳ hình thức phân chia thứ bậc nào. Hoạt động đánh giá trên cơ sở các hướng dẫn rõ ràng đề tập hợp, xây dựng và phổ biến thông tin, có tính đến các vấn đề bảo mật và được thông tin minh bạch trước Hội nghị các quốc gia thành viên.

Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước UNTOC lần thứ 10 (năm 2020) thông qua Nghị quyết số 10/1 ban hành Bộ câu hỏi đánh giá cho chu trình thứ nhất thực thi Cơ chế đánh giá. Theo Điều 17 Quy trình và thủ tục thực hiện

Cơ chế đánh giá, các quốc gia thành viên sẽ được chia thành 03 nhóm đánh giá (mỗi cặp đánh giá sẽ gồm 03 quốc gia, gồm có: Quốc gia được đánh giá và 02 quốc gia đánh giá) với thời gian bắt đầu đánh giá cho mỗi nhóm lần lượt là 01/12/2020, 01/11/2021 và 01/11/2022. Quá trình đánh giá gồm 04 chu trình, mỗi chu trình thực hiện trong 02 năm (tổng thời gian đánh giá khoảng 10 năm) và tập trung vào một nội dung cụ thể thuộc phạm vi Công ước và các Nghị định thư bổ sung. Các chu trình đánh giá sẽ được triển khai qua 04 bước sau:

- Bước 1: Báo cáo tự đánh giá thực thi Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung Công ước (self-assessment questionnaires)

Sau 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu quá trình đánh giá, quốc gia được đánh giá sẽ phải xây dựng Báo cáo tự đánh giá thực thi Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung. Báo cáo tự đánh giá được thực hiện dựa trên trả lời Bảng câu hỏi đã được thông qua tại Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước lần thứ 10. Trong chu trình thứ nhất, nội dung tự đánh giá liên quan đến trả lời các câu hỏi việc thực thi các quy định hình sự hóa và tư pháp hình sự (các điều 2, 5, 6, 8, 9, 10, 15, 24 Công ước UNTOC; các điều 3, 5, Nghị định thư TIP; các điều 3, 5, 6 Nghị định thư về chống di cư bất hợp pháp bằng đường bộ, đường không và đường biển; các điều 3, 5, 8 Nghị định thư về chống việc sản xuất, chế tạo và buôn bán trái phép vũ khí, linh kiện, phụ kiện đi kèm và đạn dược). Đối với các Nghị định thư bổ sung, quốc gia được đánh giá là thành viên của Nghị định thư nào thì sẽ thực hiện trả lời câu hỏi thuộc phạm vi của Nghị định thư đó.

Sau khi hoàn thành phần tự đánh giá, quốc gia được đánh giá phải thực hiện đăng tải lên trang REVMOD, là trang thông tin bảo mật được Ban Thư ký xây dựng riêng phục vụ cho quá trình đánh giá.

- Bước 2: Xây dựng Bản phản hồi đối với Báo cáo tự đánh giá (written feedback)

Sau khi nhận được Báo cáo tự đánh giá, Ban Thư ký sẽ tổ chức một cuộc họp trực tuyến giữa các quốc gia đánh giá và quốc gia được đánh giá, mục đích nhằm thống nhất về ngôn ngữ làm việc, phân chia nội dung công việc và thời gian hoàn thành Bản phản hồi.

Trong vòng 06 tháng kể từ thời điểm nhận được Báo cáo tự đánh giá, các quốc gia đánh giá phải hoàn thành Bản phản hồi (không quá 10.500 từ) và thực hiện đăng tải trên trang REVMOD.

- Bước 3: Xây dựng Bản nhận xét (list of observations)

Trong vòng 06 tháng kể từ thời điểm nhận được Bản phản hồi, hai quốc gia đánh giá phải xây dựng Bản nhận xét gồm các nội dung: Thách thức của việc thi hành các quy định Công ước; thực tiễn tốt đạt được; khuyến nghị; các hỗ trợ

kỹ thuật nhằm nâng cao khả năng thực thi Công ước. Nội dung Bản nhận xét sẽ được đăng tải trên trang REVMOD.

- Bước 4: Xây dựng Bản tóm tắt quá trình đánh giá (the summaries)

Trong vòng 06 tháng kể từ thời điểm nhận được Bản phản hồi, trên cơ sở Bản nhận xét, hai quốc gia đánh giá phải xây dựng Bản tóm tắt quá trình đánh giá (không quá 1.500 từ). Nội dung Bản tóm tắt phải nhận được sự thống nhất giữa các quốc gia đánh giá và quốc gia được đánh giá. Bản tóm tắt này được đăng tải trên trang REVMOD. Trên cơ sở theo dõi quá trình đánh giá, Ban Thư ký Công ước sẽ xây dựng báo cáo chung về kết quả quá trình đánh giá. Nội dung này sau đó sẽ được đưa ra thảo luận tại Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước.

2.2. Kết quả thực hiện Cơ chế đánh giá của các quốc gia thành viên

Theo báo cáo của Ban Thư ký Công ước UNTOC, quá trình triển khai đang gặp khó khăn, đặc biệt khi Cơ chế đánh giá bắt đầu triển khai trong thời gian diễn ra đại dịch Covid-19 (giai đoạn 2020-2022). Tính đến ngày 01/3/2024, đã có 72/189 quốc gia với hơn 3.000 chuyên gia tham gia triển khai Cơ chế đánh giá (đạt 38%) và còn 117 quốc gia (62%) chưa bắt đầu triển khai do nhiều lý do, việc thay đổi cơ quan đầu mối hoặc liên lạc không thông suốt giữa các đầu mối của các quốc gia. Ban Thư ký Công ước đã tổ chức 21 lượt tham vấn giữa các nước thành viên với hơn 300 tổ chức đối tác bên ngoài và đề xuất 16 khuyến nghị cho Cơ chế đánh giá. Các quốc gia tự nguyện đóng góp cho các hoạt động chung của Cơ chế đánh giá là: Trung Quốc, Liên minh châu Âu, Pháp, Đức, I-ta-li-a và Hoa Kỳ. Đối với 72 quốc gia hiện nay đang thực hiện Cơ chế đánh giá, 45% đã hoàn thiện Bước 1 (xây dựng Báo cáo tự đánh giá) và 50% đã hoàn thiện Bước 2 (Xây dựng Bản phản hồi với Báo cáo tự đánh giá). Hiện nay, cặp đánh giá của Việt Nam - Xanh Lu-ci-a đối với Nê-pan cùng với 03 cặp đánh giá khác thuộc 5% đã hoàn thiện Bước 3 (Xây dựng Bản tự nhận xét) và đang thực hiện Bước 4 (Xây dựng Bản tóm tắt quá trình đánh giá).

Những khó khăn, thách thức chính: (1) Thay đổi cơ quan đầu mối, liên lạc giữa các cơ quan đầu mối bị gián đoạn hoặc không liên lạc được; (2) Hạn chế về dịch thuật do nhiều cặp quốc gia đánh giá sử dụng 02 hoặc 03 ngôn ngữ để đánh giá; (3) Hầu hết việc liên lạc qua hình thức trực tuyến, không trao đổi trực tiếp do Cơ chế đánh giá Công ước UNTOC không có hoạt động khảo sát trực tiếp tại các quốc gia được đánh giá.

Đề xuất và giải pháp từ phía Ban Thư ký: (1) Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật trong dịch thuật và điều phối tổ chức các cuộc họp trực tuyến; (2) Khuyến khích và thúc đẩy các bên tận dụng các cơ hội trao đổi trực tiếp tại các Kỳ họp của Ủy ban tư pháp hình sự của Liên hợp quốc thường niên (CCPCJ) và các Kỳ họp của Hội nghị các quốc gia thành viên được tổ chức 02 năm/lần (COP).

Xu hướng thời gian tới: Cơ chế đánh giá có sự tham gia của các đối tác bên ngoài khu vực nhà nước. Nhằm khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, tăng cường nhận thức về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Ban Thư ký có sáng kiến “Dự án về sự tham gia của các bên trong thực thi Công ước UNTOC, Cơ chế đánh giá của Công ước và các hoạt động liên quan” (SE4U) để kết nối các tổ chức ngoài chính phủ (gồm tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân). Trong khuôn khổ sáng kiến SE4U, Văn phòng Liên hợp quốc về chống Ma túy và Tội phạm (UNODC) xây dựng mạng lưới “*WhatsOn*” với 400 thành viên đến từ 127 quốc gia, ra mắt mạng lưới SE4U khu vực châu Mỹ và thử nghiệm tổ chức Hội thảo tham gia ý kiến đối với Bản tự đánh giá với sự tham gia của tổ chức ngoài chính phủ tại các quốc gia (tổ chức thành công tại Mê-hi-cô, Pa-ki-xtan, Kê-ni-a, đang chuẩn bị tổ chức tại 05 quốc gia khác tại châu Phi, châu Âu và 01 quốc gia ở châu Á là Ma-lai-xi-a).

II. Công tác chỉ đạo tổ chức tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP ở Việt Nam

1. Về các văn bản chỉ đạo tổ chức tổng kết

- Ngày 22/11/2022, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 7843/VPCP-NC thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ đề nghị Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 18/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP (Quyết định số 605/QĐ-TTg). Tiếp theo đó, Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan tham mưu Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 phê duyệt Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP (Quyết định số 1196/QĐ-TTg).

- Căn cứ Quyết định số 1196/QĐ-TTg, người đứng đầu các bộ, ngành, cơ quan liên quan đã chỉ đạo các đơn vị chức năng triển khai thực hiện, xây dựng báo cáo tổng kết để đánh giá toàn diện 10 năm thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP. Theo đó, Đề cương báo cáo tổng kết nêu rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian tổng kết.v.v... tạo điều kiện cho việc thực hiện nhiệm vụ. Nội dung tổng kết phải bám sát các yêu cầu chính trị, ngoại giao và nhiệm vụ phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, trên cơ sở bảo đảm đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phù hợp với Kết luận số 01-KL/TW ngày 04/4/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính

trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Thời gian tổng kết: Từ ngày 18/4/2013 (thời điểm Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 605/QĐ-TTg) đến ngày 18/4/2023.

Phạm vi tổng kết: Triển khai trong 08 bộ (Bộ Công an; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Ngoại giao; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Quốc phòng; Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Bộ Thông tin và Truyền thông), 03 cơ quan ngang bộ (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thanh tra Chính phủ; Văn phòng Chính phủ), Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC), Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC); Công an, UBND 63 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương và 06 Cơ quan Trung ương của các đoàn thể.

- Các bộ, ngành, UBND, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả trên cơ sở điều kiện thực tế về nguồn lực, cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như tình hình, đặc điểm hoạt động của các loại tội phạm, đặc biệt đối với các địa bàn giáp biên, góp phần phục vụ tốt yêu cầu phòng, chống tội phạm tại khu vực biên giới; đồng thời, hỗ trợ hiệu quả các đơn vị nghiệp vụ của Bộ Công an và Công an các tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

2. Về tổ chức thực hiện tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo nêu trên, Bộ Công an đã xây dựng Kế hoạch số 140/KH-BCA-V03 ngày 19/3/2024 tổ chức hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; tăng cường công tác ĐUQT, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân từ nay đến năm 2030. Mục đích nhằm đánh giá kết quả 10 năm triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP, bao gồm: (1) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước UNTOC, Nghị định thư TIP và pháp luật của Việt Nam có liên quan; hoạt động nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật Việt Nam có liên quan đến thực thi có hiệu quả Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia theo nội dung Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; tham gia cơ chế đánh giá quốc gia của Liên hợp quốc trong việc thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; (2) Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan liên quan trong triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các bộ, ngành, cơ quan liên quan với Bộ Công an; các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

để tiếp tục triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP trong thời gian tới.

Yêu cầu đối với nội dung tổng kết: (1) Bám sát các yêu cầu chính trị, ngoại giao và nhiệm vụ phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, bảo đảm theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; (2) Đảm bảo yêu cầu công tác tổng kết, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ, ngành, cơ quan liên quan; các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an cấp tỉnh tổ chức tổng kết; (3) Bảo đảm quan hệ chặt chẽ, phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành và cơ quan liên quan; các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an cấp tỉnh; kịp thời phản ánh hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch này.

Theo đó, Bộ Công an đã phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ; tổ chức chính trị xã hội, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức Hội nghị tổng kết vào ngày 25/4/2024 tại trụ sở Bộ Công an. Chủ trì Hội nghị có Đồng chí Trung tướng Lê Quốc Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an. Hình thức Hội nghị tổng kết trực tiếp và trực tuyến đến các điểm cầu Hội trường Công an cấp tỉnh; thành phần gồm đại biểu lãnh đạo phụ trách chuyên đề, lĩnh vực liên quan của các bộ, ngành; Trung ương các Tổ chức chính trị xã hội; các thành viên giúp việc Tổ chuyên gia của Việt Nam tham gia đánh giá thực thi Công ước UNTOC; các hệ lực lượng của Công an nhân dân và ở 63 Công an cấp tỉnh. Đến dự và đưa tin về Hội nghị có các cơ quan truyền thông Truyền hình Thông tấn xã Việt Nam; Truyền hình Quốc hội; Truyền hình Công an nhân dân; Báo An ninh Thủ đô; Báo Công an nhân dân; Tạp chí Công an nhân dân; Cổng thông tin điện tử Bộ Công an.

Sau khi tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP vào ngày 25/4/2024 tại Bộ Công an và lấy ý kiến trực tiếp tại Hội nghị này, Bộ Công an xây dựng dự thảo Báo cáo (lần 2) gửi xin ý kiến 12 bộ, cơ quan ngang bộ; 04 Tổ chức chính trị xã hội; 63 UBND cấp tỉnh; 63 Công an Công an cấp tỉnh và các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, tính đến nay, Bộ Công an nhận được các ý kiến góp ý, cụ thể vào dự thảo lần 2 như sau:

- Đối với UBND cấp tỉnh, Bộ Công an nhận được 63/63 UBND cấp tỉnh gửi ý kiến góp ý về Bộ Công an (trong đó 35/63 tỉnh giao Công an tỉnh xây dựng báo cáo; 28/63 tỉnh xây dựng báo cáo riêng);

- Đối với ngành Công an gồm: Công an cấp tỉnh, và các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Bộ Công an nhận được 62/63 Công an cấp tỉnh và 53/59 gửi ý kiến góp ý về Bộ Công an.

- Đối với các tổ chức chính trị - xã hội, Bộ Công an gửi đến 04 Trung ương tổ chức chính trị xã hội gồm: (1) Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; (2) Tổng liên Đoàn Lao động Việt Nam; (3) Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ; (4) Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và đã nhận được 04/04 ý kiến góp ý của các tổ chức nêu trên về Bộ Công an.

- Đối với các bộ; cơ quan ngang bộ; VKSNDTC, TANDTC, Bộ Công an gửi đến 07 bộ, 03 cơ quan ngang bộ; gửi VKSNDTC, TANDTC để tổng kết. Theo đó, Bộ Công an đã nhận được tổng số 09/12 báo cáo của các bộ, ngành nêu trên.

Kết quả: UBND cấp tỉnh; Công an cấp tỉnh, các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an đã gửi ý kiến tham gia đối với dự thảo Báo cáo (lần 2). Bộ Công an đã nghiên cứu các ý kiến góp ý, lựa chọn nội dung phù hợp và đưa vào dự thảo Báo cáo (lần 2) *(kính gửi kèm theo danh mục)*

Phần thứ hai

KẾT QUẢ 10 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC UNTOC VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ TIP CỦA VIỆT NAM

I. Đánh giá kết quả 10 năm triển khai thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

1.1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

- Để triển khai thi hành Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP, các bộ, cơ quan ngang bộ; UBND cấp tỉnh; tổ chức chính trị xã hội; Công an các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Công an các đơn vị, địa phương) đã chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch đấu tranh phòng, chống tội phạm, những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP triển khai, thi hành trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình; chủ động làm tốt ngay từ cơ sở và tham mưu với cấp có thẩm quyền ban hành văn bản chỉ đạo *(Biểu số 6)*.

- Chủ động triển khai hiệu quả Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP và Quyết định số 605/QĐ-TTg trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Công an nhân dân, ngày 11/6/2013, Bộ trưởng Bộ Công an ký Quyết định số 2965/QĐ-BCA-V19 ban hành Kế hoạch thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP trong Công an nhân dân (Quyết định số 2965/QĐ-BCA-V19). Qua đó, xác định việc thực hiện, tạo cơ chế phối hợp kịp thời, đồng bộ, hiệu quả giữa Công an các đơn vị, địa phương; nâng cao nhận

thức trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ, chiến sĩ lực lượng Công an nhân dân; tăng cường phối hợp giữa Bộ Công an với các bộ, ngành, địa phương trong thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP và Quyết định số 605/QĐ-TTg; nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, đặc biệt là hợp tác với các quốc gia thành viên, tổ chức quốc tế liên quan trong công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP.

- Với vai trò Thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (Ban Chỉ đạo 138), Công an cấp tỉnh đã chủ động tham mưu với UBND cấp tỉnh ban hành các Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phòng, chống tội phạm trong đó có phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia và tội phạm mua bán người; thực hiện Quyết định số 4170/QĐ-BCA-C41 ngày 14/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt Đề án "*Phòng, chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia*"; Kế hoạch số 131/KH-BCA-CSHS ngày 30/3/2021 của Bộ Công an về "*Phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia giai đoạn 2021-2025*"; chuyên đề "*Theo dõi công tác phòng ngừa tội phạm mua bán người*", tăng cường công tác nắm tình hình, điều tra cơ bản xác định đối tượng, tuyến, địa bàn trọng điểm tập trung quản lý, đấu tranh, nhất là các đối tượng lập hội, nhóm "*kín*" để thực hiện hành vi mua bán người trên không gian mạng.

- Tham mưu Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm của Chính phủ tổng kết thực hiện Chương trình phòng, chống mua bán người; tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2546/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020, trong đó, giao các bộ, ngành có liên quan chủ trì thực hiện các đề án, tiêu đề án triển khai Chương trình phòng, chống mua bán người của Chính phủ; Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Tổ chức tổng kết Luật Phòng, chống mua bán người; phối hợp trong ban hành 03 Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC; Quy chế phối hợp liên ngành số 2548/QCPH ngày 18/7/2022 giữa Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng và Bộ Ngoại giao trong công tác tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán và kế hoạch phối hợp liên ngành số 485/KHLN-TE-CSHS-PCMT&TP-TG ngày 30/9/2021 giữa Cục Trẻ em - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Cục Cảnh sát hình sự; Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm - Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Ban Tuyên giáo - Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong hoạt động của Đường dây nóng tư vấn và hỗ trợ nạn nhân của mua bán người giai đoạn 2021-2025.

- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chỉ đạo ký Kế hoạch phối hợp số 1326/KHPH/CCSHS-CPCMT&TP ngày 28/12/2020 giữa Cục Cảnh sát hình sự và Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng trong

phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2021-2025. Ngoài ra, các bộ, ngành liên quan, Công an các đơn vị, địa phương đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện.

1.2. Công tác xây dựng pháp luật về phòng, chống mua bán người

Để triển khai thi hành Luật Phòng, chống mua bán người, thực hiện nhiệm vụ được giao, các bộ, ngành đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người¹. Những văn bản này là cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

1.3. Tổ chức lực lượng, giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp

Việc triển khai Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP được tổ chức thực hiện gắn với các chương trình, kế hoạch hành động phòng, chống tội phạm trên phạm vi toàn quốc, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012-2015; Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2011-2015 và các chương trình, kế hoạch hành động phòng, chống tội phạm cụ thể khác, tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể,² trong đó, có Quyết định số 605/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

¹ Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 của Chính phủ quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ; Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người; Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT/BCA-BQP-BLĐT BXH-BNG ngày 10/02/2014 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao hướng dẫn trình tự, thủ tục và quan hệ phối hợp trong việc xác minh, xác định, tiếp nhận và trao trả nạn nhân bị mua bán; Thông tư số 35/2013/TT-LĐT BXH ngày 30/12/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người; Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT/BTC-BLĐT BXH ngày 25/9/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người; Thông tư số 78/2013/TT-BQP ngày 25/6/2013 của Bộ Quốc phòng quy định các biện pháp của Bộ đội Biên phòng và Cảnh sát biển trong phòng, chống mua bán người; Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/9/2019 của Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người; Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của BLHS; Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 23/7/2013 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi mua bán người, mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em; Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT/BTC-BCA ngày 16/02/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Công an hướng dẫn chế độ quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người; Thông tư số 98/2017/TT-BTC ngày 29/9/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020.

² Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 18/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ. (1) Tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP và pháp luật của Việt Nam có liên quan, giao Bộ Công an chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức biên soạn, in ấn tài liệu,

- Triển khai Quyết định số 605/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với từng nội dung, ngày 11/6/2013, Bộ trưởng Bộ Công an ký Quyết định số 2965/QĐ-BCA-V19. Căn cứ kế hoạch này và tình hình thực tế, Công an các đơn vị, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Công ước UNTOC, Nghị định thư TIP và tổ chức thực hiện tại đơn vị, địa phương mình và giao các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong Công an nhân dân thực hiện các nội dung cụ thể.³

- Việc bố trí lực lượng thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống mua bán người được thực hiện đồng bộ ở Bộ Công an và Công an các đơn vị, địa phương trong cả nước.⁴

quán triệt, tổ chức tập huấn chuyên sâu về Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho các lực lượng được giao nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm; Đề nghị TANDTC, VKSNDTC tổ chức quán triệt cho lãnh đạo và cán bộ thuộc ngành tòa án và kiểm sát; phối hợp với Bộ Công an trong việc tuyên truyền, phổ biến; Các Bộ: Tư pháp, Quốc phòng, Ngoại giao, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội; các cơ quan: Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, các cơ quan thông tấn báo chí, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan phối hợp. (2) Phân công Bộ Công an là cơ quan chủ trì; các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan là cơ quan phối hợp, đề nghị VKSNDTC, TANDTC phối hợp; (3) Đối với nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật trong nước, tăng cường hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm, bổ sung cơ chế phối hợp góp phần tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm có tổ chức phù hợp với Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP thì phân công Bộ Công an là cơ quan chủ trì; các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan là cơ quan phối hợp, đề nghị VKSNDTC, TANDTC phối hợp. Giao Bộ Công an là cơ quan thường trực thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP, có nhiệm vụ tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này trên phạm vi cả nước; là cơ quan đầu mối quốc gia, phối hợp với Bộ Ngoại giao hỗ trợ thông tin về phòng, chống tội phạm thuộc phạm vi của Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP với các quốc gia, tổ chức quốc tế và khu vực, trừ các tội phạm về tham nhũng; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan hữu quan xây dựng quy chế phối hợp, chế độ báo cáo, trao đổi thông tin, tiếp nhận và thực hiện các yêu cầu quốc tế liên quan đến thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP.

³ Quyết định số 605/QĐ-TTg giao Vụ Pháp chế Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế, Tổng cục Cảnh sát Phòng, chống tội phạm chủ động đề xuất lãnh đạo Bộ xem xét, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các hoạt động của lực lượng Công an nhân dân hợp tác với các quốc gia thành viên của Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP để trao đổi kinh nghiệm, thông tin, đào tạo cán bộ, hỗ trợ kỹ thuật, hoàn thiện thể chế phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, trong đó có tội phạm mua bán người; tăng cường đàm phán, ký kết các ĐUQT song phương, đa phương về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù giữa Việt Nam với các nước thành viên của Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP. Giao Vụ Pháp chế Bộ Công an (nay là Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp Bộ Công an) là cơ quan đầu mối của Bộ Công an trong tiếp nhận, chuyển giao các yêu cầu về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù phù hợp với quy định của pháp luật; giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý, theo dõi, đôn đốc Công an các đơn vị, địa phương trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ này; phối hợp với các cơ quan chức năng của Tòa án, Viện Kiểm sát, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và của Bộ Công an trong thực hiện TTTP về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của ĐUQT mà Việt Nam là thành viên, Luật TTTP và các văn bản pháp luật khác có liên quan hoặc theo nguyên tắc có đi có lại trong trường hợp Việt Nam và đối tác nước ngoài không cùng là thành viên của ĐUQT có liên quan; tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu về Công ước UNTOC, Nghị định thư TIP và pháp luật có liên quan trong Công an nhân dân. Giao Cục Tài chính Bộ Công an (nay là Cục Kế hoạch và Tài chính) đảm bảo kinh phí cho việc triển khai Kế hoạch này; chủ trì phối hợp trong việc quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn viện trợ, hỗ trợ khác theo quy định hiện hành. Giao Tổng cục Cảnh sát Phòng, chống tội phạm Bộ Công an (nay là Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và các đơn vị liên quan) phối hợp với Vụ Pháp chế chủ trì, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này và Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ; định kỳ báo cáo Lãnh đạo Bộ và đề xuất Lãnh đạo Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai.

⁴ Báo cáo số 537/BC-BCA-V01 ngày 17/4/2023 về việc chấp hành pháp luật về phòng, chống mua bán người. Theo đó, ở cấp Bộ Văn phòng Bộ Công an là Cơ quan Thường trực về phòng, chống mua bán người, giúp Bộ trưởng Bộ Công an tham mưu với Đảng, Nhà nước các chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật về công tác phòng, chống mua bán người. Cục Cảnh sát hình sự là đơn vị tham mưu giúp Bộ trưởng và Thủ trưởng Cơ

2. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến về nội dung Công ước UNTOC, Nghị định thư TIP

2.1. Công tác tuyên truyền chung về thực thi Công ước UNTOC và nghị định thư TIP

Trong những năm qua, các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; Công an cấp tỉnh đã đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cán bộ, công chức, chiến sĩ và người dân trên địa bàn tỉnh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng địa bàn, đối tượng, giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ dân trí. Tập trung tuyên truyền phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; các quy định phòng ngừa mua bán người, bảo vệ nạn nhân bị mua bán, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mua bán người; chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử Công an tỉnh, Zalo, Facebook... để truyền tải nội dung các chính sách, quy định mới đến người dân, đặc biệt là người dân ở vùng núi, biên giới giúp họ nhanh chóng tiếp cận, nắm bắt kịp thời, thực hiện đúng quy định.

- Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật, Công an các tỉnh phối hợp các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện lồng ghép tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; các văn bản quy phạm pháp luật liên quan thông qua việc triển khai các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giải quyết vấn đề lao động, việc làm, Chương trình đấu tranh phòng, chống tội phạm và Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo tỉnh, Đài Truyền thanh huyện, Trạm Truyền thanh cấp xã; thông qua Trang thông tin điện tử Công an tỉnh, ứng dụng Zalo, Facebook thông tin, tuyên truyền pháp luật và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em⁵. Thông qua các hoạt

quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an hướng dẫn, chỉ đạo hệ lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội trong cả nước tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý các loại tội phạm về mua bán người trực tiếp điều tra những vụ án về tội phạm mua bán người theo quy định của pháp luật. Trong đó, Phòng Phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm mua bán người, trực thuộc Cục Cảnh sát hình sự là đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này. Ở địa phương, Phòng Cảnh sát hình sự, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng điều tra, đấu tranh với tội phạm về trật tự xã hội trực thuộc, trong đó có tội phạm mua bán người. Chức năng thường trực, tham mưu triển khai công tác phòng, chống mua bán người giao Phòng Tham mưu Công an cấp tỉnh.

⁵ Điển hình như: hưởng ứng "Ngày thế giới phòng, chống mua bán người" và "Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người" với sự tham gia của hàng nghìn đại biểu (trong đó có lãnh đạo Bộ Công an, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ, lãnh đạo các Bộ ngành Trung ương, lãnh đạo tỉnh và các đại biểu Công an, Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Bộ đội biên phòng, và Nhân dân trên địa bàn tỉnh); tổ chức cấp phát Sổ tay về công tác chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, Sổ tay về công tác dẫn độ, sách Hỏi đáp về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em đến Công an các đơn vị, địa phương; đăng tải, phát sóng nhiều tin bài, phóng sự với các chủ đề liên quan như: "Cảnh giác việc nhẹ, lương cao tại Cam-pu-chia", "Xây dựng các cấp Hội vững mạnh, hướng đến quyền lợi của phụ nữ", "Việt Nam luôn nỗ lực ngăn chặn mua bán người". "Tình đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào ngày càng được tăng cường", "Cô gái bị lừa bán sang Cam-pu-chia kể lại 18 năm sống trong địa ngục trần gian", "Ngăn chặn tội phạm mua bán người", "Vấn đề nội luật hóa Công ước ASEAN về phòng, chống buôn

động trên góp phần giúp người dân nâng cao ý thức cảnh giác, tố giác tội phạm, tích cực hỗ trợ lực lượng chức năng trong đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, mua bán người và đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc đưa nội dung Công ước UNTOC, Nghị định thư TIP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đi vào cuộc sống.

- Phát huy hiệu quả các hợp thư tố giác tội phạm, đường dây nóng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia tố giác và cung cấp thông tin về phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và tội phạm mua bán người thông qua các hoạt động du lịch, xuất khẩu lao động bất hợp pháp, thăm thân, kết hôn.

- Xây dựng và duy trì thực hiện có hiệu quả nhiều mô hình góp phần đấu tranh, phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng⁶.

2.2. Công tác tuyên truyền về tương trợ tư pháp, dẫn độ tội phạm, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Luật Phòng, chống mua bán người và lĩnh vực khác thuộc nội dung Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

- Xác định công tác tổ chức, thực hiện hoạt động Tương trợ tư pháp (TTTP) về hình sự là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, điều tra vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài, Bộ Công an chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương và cơ quan điều tra trong Công an nhân dân chủ động phối hợp với cơ quan, ban ngành liên quan triển khai thực hiện Luật TTTP năm 2007 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đối với hoạt động này như: Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật Phòng, chống mua bán người.v.v... xây dựng Kế hoạch và tổ chức tập huấn Luật TTTP trong lực lượng Công an nhân dân bằng nhiều hình thức; lồng ghép nội dung tập huấn về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong các hội nghị phổ biến các văn bản pháp

bán người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em”.

Đã đăng tải trên 124.449 tin, bài về công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung và phòng chống tội phạm xuyên quốc gia nói riêng; cấp phát hơn 3.263.100 tờ gấp, tờ rơi, sách tuyên truyền có nội dung liên quan đến chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, buôn bán người, hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân mua bán người tái hòa nhập cộng đồng; tổ chức trên 298.605 lượt tuyên truyền cho trên 20.171.933 lượt người dân, học sinh, sinh viên tham gia; phát hơn 60.689 lượt tin, bài trên hệ thống truyền thanh, truyền hình cơ sở; tổ chức trên 381 hội nghị phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan đối với 44.185 lượt cán bộ, công chức tham gia; hằng quý, 06 tháng, cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan thi hành án hình sự cấp tỉnh và huyện đều tổ chức Hội nghị giao ban đánh giá tình hình kết quả điều tra, thi hành án hình sự gắn với phổ biến, quán triệt nội dung Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan...

⁶ Mô hình “Làng quê/ thôn/ xóm an toàn cho phụ nữ và trẻ em”; Mô hình “Phòng chống mua bán người”, Mô hình “Điểm sáng biên giới”, Mô hình “Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng”, Mô hình “Trung tâm hỗ trợ phụ nữ tại cộng đồng”, Mô hình “Ở chấp hành, đi tự giác”, “Liên kết bảo đảm an ninh trật tự cơ sở lưu trú trên địa bàn”, “Cụm an ninh liên kết tuyến biên phòng”, “Liên kết bảo đảm an ninh trật tự giữa hai phường biên giới và đồn biên phòng”.v.v...

luật và các ĐUQT có liên quan đến công tác Công an; biên soạn, phát hành các cuốn sổ tay công tác, cấp phát cho các cán bộ làm công tác thực tiễn⁷.

Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, VKSNDTC, TANDTC nghiên cứu, xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên tịch và xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản liên quan đến công tác này;⁸ tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các ĐUQT, hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm mới có hiệu lực để Công an các đơn vị, địa phương áp dụng vào thực tiễn công tác. Đây là các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Luật TTTP, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị hữu quan áp dụng thống nhất. Những văn bản này đang có hiệu lực và được áp dụng trong công tác ĐUQT, giải quyết các vụ việc dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, TTTP về hình sự. Bên cạnh đó, Công an các đơn vị, địa phương chủ động ban hành các kế hoạch về nâng cao hiệu quả công tác nắm tình hình và trao đổi thông tin về người Việt Nam vi phạm pháp luật ở nước ngoài; tổ chức rà soát hồ sơ các đối tượng bị truy nã, có khả năng trốn ra nước ngoài; phối hợp trao đổi thông tin về người Việt Nam vi phạm pháp luật ở nước ngoài, kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý, bảo vệ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, nhanh chóng tổ chức thực hiện các yêu cầu TTTP về hình sự, các ủy thác điều tra qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL.

- Cập nhật, biên soạn và cấp phát các tài liệu tham khảo hướng dẫn cho các cán bộ thực tiễn trong các học viện, trường và cơ sở đào tạo; đăng thông tin tuyên truyền, giới thiệu Luật, một số ĐUQT trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an... Để thực hiện tốt công tác ĐUQT, Công an các đơn vị, địa phương đều lập kế hoạch, tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc

⁷ Sổ tay dẫn độ, Sổ tay công tác chuyển giao người bị kết án phạt tù, Sổ tay công tác TTTP về hình sự năm 2013 (mỗi đầu sách cấp phát 1.190 cuốn đến Công an các đơn vị, địa phương); Sổ tay dẫn độ và Sổ tay chuyển giao - Tái bản, bổ sung năm 2019 (mỗi đầu sách cấp phát 10.000 quyển đến Công an các đơn vị, địa phương); Tuyển tập các văn kiện pháp lý quốc tế có liên quan đến phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia...; biên soạn tài liệu, giáo trình giảng dạy TTTP về hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của lực lượng Công an nhân dân (01 đề tài cấp khoa học cấp Bộ; luận án tiến sĩ (07); luận văn thạc sĩ (07), 04 giáo trình phục vụ công tác giảng dạy).

⁸ Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BCA-BTP-BNG-VKSNDTC-TANDTC ngày 22/02/2013 hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao, tiếp tục thi hành án đối với người đang chấp hành án phạt tù; tham gia xây dựng Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG ngày 16/08/2013 của VKSNDTC, TANDTC, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án đề yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự; Thông tư số 43/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các loại mẫu giấy tờ trong công tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân; Thông tư số 76/2020/TT-BCA ngày 02/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các hoạt động đối ngoại Công an nhân dân; Thông tư số 54/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân; Thông tư số 19/2023/TT-BCA ngày 14/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định cơ chế phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm qua kênh Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế, Hiệp hội Cảnh sát các nước Đông Nam Á trong Công an nhân dân; Hướng dẫn quy trình và phối hợp thực hiện hoạt động dẫn độ trong Công an nhân dân (ban hành kèm theo Quyết định số 10886/QĐ-BCA-V03 ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an).

đến toàn thể cán bộ, chiến sỹ các nội dung của văn bản quy phạm pháp luật về ĐUQT; các ĐUQT liên quan đến công tác Công an. Các cuộc tập huấn, phổ biến, tuyên truyền được tiến hành bằng nhiều hình thức, thiết thực, phù hợp như lồng ghép nội dung về phòng, chống tội phạm trong các hội nghị phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật và các ĐUQT có liên quan đến công tác Công an; triển khai kế hoạch thực hiện các ĐUQT đa phương, song phương liên quan đến công tác Công an. VKSNDTC đã biên soạn, phát hành Sổ tay công tác TTTP về hình sự năm 2015 và năm 2022 cho Kiểm sát viên, Điều tra viên và cán bộ làm công tác thực tiễn trong ngành Kiểm sát; tổ chức Hội thảo tập huấn công tác TTTP về hình sự trong ngành Kiểm sát. Ngành Tòa án phối hợp với Công an, Tư pháp, Ngoại giao, Viện Kiểm sát tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ tòa án, thẩm phán trong cả nước.

- Ngày 18/7/2011, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1173/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống mua bán người, trong đó, giao cho các bộ, ngành, UBND, các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thi hành Luật; tổ chức các Hội nghị phổ biến, tập huấn chuyên sâu luật này. Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 1090/QĐ-BTTTT ngày 05/7/2017 phê duyệt Đề án "*Truyền thông phòng, chống mua bán người*" đến năm 2020 thuộc Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016 - 2020 của Chính phủ. Bộ Công an ban hành Chỉ thị số 08/CT-BCA ngày 05/8/2011 về triển khai thi hành Luật Phòng, chống mua bán người trong Công an nhân dân, Điện số 617/BCA ngày 16/11/2012 chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tham mưu cho cấp ủy, chính quyền triển khai thực hiện Luật và Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2011-2015. Nội dung tuyên truyền tập trung nhiều về phương thức, thủ đoạn của tội phạm, cung cấp kiến thức nhận biết dấu hiệu tội phạm mua bán người để kịp thời phòng tránh. Tích cực, chủ động triển khai nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác phòng, chống mua bán người; phát hành tài liệu, sách, tranh ảnh, tờ rơi, tờ gấp, đĩa CD, mở các chuyên trang, chuyên mục trên sóng phát thanh, truyền hình, báo in, báo điện tử. Hình thức thông tin, tuyên truyền trực quan như mít tinh, cổ động, triển lãm, trưng bày pano, áp phích, băng rôn, tranh cổ động, bản tin của các đội thông tin, nói chuyện, tọa đàm, tuyên truyền miệng, thi tìm hiểu pháp luật và kiến thức về mua bán người của một số ngành như: Văn hóa, thông tin, Bộ đội Biên phòng, Công an, Mặt trận Tổ quốc... đã đến được nhiều vùng sâu, vùng xa, nhất là đối với các làng, xã, bản phức tạp về tội phạm mua bán người. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đẩy mạnh truyền thông, tập trung vào trách nhiệm của cá nhân, gia đình, xã hội trong phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân; chế độ chính sách của Nhà nước đối với nạn nhân bị mua bán; các quy định về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và

hướng dẫn về di cư an toàn, thông qua nhiều hình thức phù hợp⁹. Tòa án nhân dân địa phương tăng cường phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng cùng cấp xác định các vụ án điểm, khắc phục khó khăn về kinh phí, phương tiện làm việc tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động tại địa phương xảy ra vụ án, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương; kịp thời tuyên truyền về kết quả xét xử, qua đó nâng cao ý thức pháp luật và tinh thần đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người trong quần chúng nhân dân. Thông qua hoạt động xét xử, Hội đồng xét xử lồng ghép phổ biến, giải thích các quy định của pháp luật về phòng, chống mua bán người góp phần nâng cao ý thức pháp luật của bị cáo nói riêng và cộng đồng nói chung. Các ban ngành, tổ chức đoàn thể khác thực hiện tuyên truyền như: Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ,¹⁰ dưới hình thức nói chuyện chuyên đề, tọa đàm, sinh hoạt câu lạc bộ của đoàn thanh niên các cấp nhằm cung cấp kiến thức phòng, chống mua bán người kẻ vẽ các pano, áp phích, tranh cổ động, khẩu hiệu tuyên truyền phòng, chống mua bán người ở các điểm trung tâm tỉnh, thành phố, xã, phường, thị trấn khá nổi bật và gây sự thu hút lớn, được tổ chức ở hầu hết các địa phương. Hoạt động thông tin, truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở đã phát huy những ưu thế tích cực, được thực hiện bằng những biện pháp, hình thức rất phong phú¹¹.

⁹ (1) Thông tin tuyên truyền qua báo, đài trung ương và địa phương; qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh/ thành phố; Trang thông tin điện tử và Bản tin phòng, chống tệ nạn xã hội của Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Cục Quản lý lao động ngoài nước; kênh Zalo và website của Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111; hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm... (2) Xây dựng các chuyên trang, chuyên đề, phóng sự về phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trên Báo Lao động Xã hội, Tạp chí Lao động Xã hội, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam (các thông điệp phát thanh tuyên truyền phòng, chống mua bán người đã được phát sóng bằng tiếng Kinh, tiếng H'Mông, tiếng Khmer và tiếng Ê đê); (3) Nhân bản đầu sách, tờ rơi phát cho các cơ quan chuyên trách phòng, chống tệ nạn xã hội ở xã, phường, thị trấn; (4) Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, đối thoại với các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp về các quy định quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và lồng ghép tuyên truyền các quy định liên quan đến phòng, chống mua bán người.

¹⁰ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tổ chức 260.000 cuộc truyền thông trực tiếp tại cộng đồng về phòng, chống mua bán người với sự tham gia của gần 25 triệu lượt người; lồng ghép với nội dung khác tới hơn 50 triệu lượt người; phối hợp với cơ quan thông tin đại chúng xây dựng 465 phóng sự, viết 16.307 tin, bài về phòng, chống mua bán người; hệ thống loa phát thanh của xã đã phát hơn 18.000 lượt tuyên truyền về phòng, chống mua bán người. Trung ương Hội sản xuất 12.000 tờ rơi, 1.200 cuốn sổ tay, 1.600 lịch treo tường, 6.400 áo phông, 1000 áo mưa, 10.000 bản tin pháp luật về phòng, chống mua bán người phát tới các chi hội trong cả nước. Tại các tỉnh, thành phố đã biên soạn, nhân bản và cung cấp hơn 33.600 cuốn sổ tay, sách hỏi đáp pháp luật và gần 800.000 tờ rơi/ tranh lật, gần 5.600 áp phích, khẩu hiệu, 2.800 pa no đặt tại nơi đông người qua lại, gần 2000 băng đĩa hình, đĩa tiếng. Ngôi nhà bình yên đã tiếp nhận và hỗ trợ 1.704 nạn nhân với 454 nạn nhân về mua bán người; 100% được bảo đảm tạm lánh trong môi trường an toàn, thân thiện; 83% người được tạm trú, hỗ trợ khám và điều trị sức khỏe tâm thần tại Bệnh viện, được tham vấn tâm lý ban đầu, cung cấp thông tin về pháp luật, tư vấn luật sư miễn phí... 78% được kết nối với các cơ sở dạy nghề phù hợp với khả năng; 95% người tạm trú hỗ trợ làm giấy tờ tùy thân; 95% người tạm trú được hỗ trợ chi phí trở về địa phương.

¹¹ Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về phòng, chống mua bán người trên các trang thông tin cá nhân, mạng xã hội; chỉ đạo các nhà xuất bản và đối tác liên kết đưa nội dung thông tin ngày 30/7 hằng năm là "Ngày thế giới phòng, chống mua bán người" và "Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người"; đề nghị các nhà mạng viễn thông nhắn tin miễn phí tuyên truyền về ngày toàn dân phòng, chống mua bán người đến 120 triệu thuê bao di động. Hằng năm, Sở Thông tin và Truyền thông cấp tỉnh tuyên

Các cơ quan thông tin đại chúng như Đài Truyền hình, Đài Phát thanh, báo in, báo điện tử từ Trung ương tới địa phương, Truyền hình Công an nhân dân, Truyền hình Quân đội nhân dân, Chương trình truyền hình Tòa án nhân dân được phát sóng thường kỳ 02 số/tháng trên sóng truyền hình tích cực tham gia tuyên truyền phòng, chống mua bán người với những hình thức như dành các chuyên trang, chuyên mục về chủ đề phòng, chống mua bán người; trong đó như Đài Truyền hình Việt Nam đã phát sóng hàng trăm tin bài về mua bán người trên bản tin thời sự¹². Hằng năm, hưởng ứng Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người (30/7), các bộ, ban ngành từ Trung ương đến địa phương đã tổ chức lễ ra quân, mít tinh lớn, thu hút được sự tham gia của các cấp, các ngành, các đoàn thể và đông đảo quần chúng nhân dân.

3. Công tác nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật Việt Nam có liên quan đến thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

3.1. Kết quả nội luật hóa các quy định của Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

a) Về định nghĩa tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia: Tại Điều 2 Công ước UNTOC quy định nhóm tội phạm có tổ chức (organized criminal group) là “một nhóm có cơ cấu từ ba người trở lên, tồn tại trong một thời gian và hoạt động có phối hợp để thực hiện một hay nhiều tội phạm nghiêm trọng hoặc các hành vi phạm tội được quy định trong Công ước này, nhằm có được, trực tiếp hay gián tiếp, lợi ích về tài chính hay vật chất khác”. Quy định của pháp luật Việt Nam trong BLHS liên quan đến tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia đó là:

- Khoản 1 Điều 8 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn

truyền phòng, chống mua bán người đến từng địa bàn dân cư, trường học, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; các phòng Văn hóa - Thông tin, hệ thống đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện triển khai hoạt động tuyên truyền phù hợp với từng nhóm người, văn hóa vùng, miền, địa phương; trên hệ thống đài truyền thanh cấp xã, trạm tin, bảng tin, cụm pano cổ động của địa phương; băng rôn trên các tuyến đường, tụ điểm sinh hoạt văn hóa, sinh hoạt cộng đồng của người dân. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Chuyên mục thông tin tuyên truyền về phòng, chống mua bán người và phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em trong hoạt động du lịch bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh trên trang thông tin của Tổng cục Du lịch tại 02 địa chỉ trang web: <http://www.vietnamtourism.gov.vn> và <http://www.vietnamtourism.com>; in ấn phẩm tuyên truyền về phòng, chống mua bán người và phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em để tại phòng ngủ của các cơ sở lưu trú, phát cho các doanh nghiệp lữ hành. Nhiều địa phương tổ chức biên tập, phát thanh, tuyên truyền lưu động bằng tiếng dân tộc phù hợp với từng vùng, miền như Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Thanh Hóa, Đắk Lắk, Đắk Nông.

¹² Bản tin thời sự 19h, Bản tin chuyển động 24h, Bản tin Chào buổi sáng, Việt Nam hôm nay và các chuyên mục phim tài liệu, Vĩ an ninh Tổ quốc, Pháp luật và cuộc sống... trên các kênh VTV1, VTV2, VTV4, VTV5, VTV8, VTV9; Truyền hình Công an nhân dân tăng thời lượng phát sóng trên các bản tin thời sự và các chuyên mục “An ninh với cuộc sống”, “Nhận diện tội phạm”, “An toàn sống”... tuyên truyền trên các bộ phim phát sóng giờ vàng về đề tài mua bán người như bộ phim truyền hình “Quỳnh Búp Bê” đã tạo được hiệu ứng xã hội tốt, có sức lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng, đây là hình thức tuyên truyền mới cần phát triển nhiều hơn nữa.

ven lãnh thổ tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của luật này phải bị xử lý hình sự". Hiện nay, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chưa có quy định về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tuy nhiên, việc phòng ngừa, đấu tranh và xử lý đối với loại tội phạm này được thực hiện thông qua một số quy định có liên quan như đồng phạm, phạm tội có tổ chức. Cần khẳng định rằng theo pháp luật hình sự Việt Nam, tội phạm có tổ chức là một dạng của tội phạm, có đầy đủ thuộc tính của tội phạm bao gồm tính có lỗi, tính nguy hiểm cho xã hội, tính trái pháp luật hình sự, tính phải chịu hình phạt. Các yếu tố cấu thành tội phạm bao gồm chủ thể, khách thể, mặt chủ quan, mặt khách quan của tội phạm cũng là các yếu tố cấu thành nên tội phạm có tổ chức¹⁴. Xét về bản chất khái niệm (Điều 2 Công ước UNTOC) chưa thực sự phân biệt rõ ràng giữa tổ chức tội phạm với một nhóm "đồng phạm" được quy định tại Điều 17 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) của Việt Nam, chưa cho thấy các đặc trưng của tội phạm. Công ước UNTOC không buộc các quốc gia phải tội phạm hóa yếu tố về "bản chất xuyên quốc gia" trong cấu thành nhóm tội phạm có tổ chức.

b) *Quy định về hành vi thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm*: Tại khoản 1 Điều 14 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về giai đoạn chuẩn bị phạm tội, theo đó, "*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm trừ trường hợp quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của Bộ luật này*". Việc tham gia hoặc thành lập nhóm tội phạm theo quy định tại Điều 14 BLHS là hành vi cần thiết cho việc hình thành nên một nhóm đồng phạm để cùng nhau thực hiện một tội phạm cụ thể, không thể áp dụng chung để phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia. Theo đó, hành vi thành lập hoặc tham gia vào tổ chức tội phạm phải là một tội phạm độc lập xuất phát từ tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, cũng là để bảo đảm khả năng phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm có tổ chức ngay từ khi mới hình thành.

c) *Quy định về đồng phạm*: theo khoản 1 Điều 17 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng phạm "*là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm*" và "*phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm*". Quy định về đồng phạm thể hiện một phần bản chất của tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia đó là tính cấu kết, liên lạc, phân công trong thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên, đây là quy định để áp dụng trong một vụ án cụ thể, tại một địa điểm và trong thời

¹⁴ Báo cáo số 4972/V03-P2 ngày 20/9/2023.

gian nhất định nào đó, trong khi đó, tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia có quy mô, cấu trúc vượt ra khỏi một vụ án, lãnh thổ và thời gian nhất định, do vậy, nếu chỉ sử dụng quy quy định về đồng phạm để đấu tranh, xử lý đối với tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia thì không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của loại tội phạm này, không thể hiện được tính phòng ngừa xã hội của pháp luật hình sự. BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tại Điều 17 (1) về dấu hiệu chủ thể thì đồng phạm phải bao gồm 2 chủ thể trở lên, các chủ thể này có thể là các cá nhân và các pháp nhân thương mại, theo đó, các cá nhân phải thỏa mãn hai yếu tố đó là có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi theo luật định; đối với pháp nhân thương mại, theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, pháp nhân thương mại phải đảm bảo bốn yếu tố gồm: Được thành lập theo quy định của pháp luật; có cơ cấu tổ chức theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015; có tài sản độc lập và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập; (2) về dấu hiệu chủ quan: lỗi của những người đồng phạm là lỗi cố ý và giữa họ có sự cố ý cùng thực hiện một tội phạm; (3) về dấu hiệu khách quan: trong vụ án đồng phạm, có nhiều hành vi khách quan khác nhau được thực hiện, tuy nhiên, có thể khái quát thành 4 hành vi chính bao gồm: hành vi thực hành tội phạm (là hành vi của người trực tiếp thực hiện tội phạm); hành vi tổ chức (là hành vi của người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm); hành vi xúi giục (là hành vi của người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm); và hành vi giúp sức (hành vi của người tạo điều kiện về tinh thần, vật chất cho việc thực hiện tội phạm. Các hành vi này không biệt lập với nhau mà nằm trong một mối liên kết thống nhất với nhau để gây ra một hậu quả chung mà tất cả cùng mong muốn; (4) về dấu hiệu khách thể: khách thể của đồng phạm là các mối quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ, các loại quan hệ này tương đối đa dạng và được quy định cụ thể tại các chương của BLHS bao gồm: quan hệ xã hội trong đảm bảo an ninh, vững mạnh của chế độ, của Nhà nước và sự toàn vẹn lãnh thổ; sự an toàn về tính mạng, sức khỏe, uy tín, danh dự, nhân phẩm và tài sản của các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong xã hội; sự an toàn, trật tự công cộng...¹⁵

d) *Quy định về phạm tội có tổ chức*: Khoản 2 Điều 17 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về “*phạm tội có tổ chức*”, theo đó, “*Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm*”, như vậy, phạm tội có tổ chức là một dạng đồng phạm ở cấp độ cao, được bàn bạc, lên phương án và thống nhất kỹ lưỡng giữa các thành viên để cùng thực hiện một tội phạm. Về cơ bản, các đặc điểm của “*phạm tội có tổ chức*” giống với đồng phạm, nhưng xét về tính nguy hiểm, về trạng thái, phương thức thực hiện hành vi thì phạm tội có tổ chức làm cho hành vi phạm tội trở nên nguy hiểm hơn so với hành vi bình thường, chính vì vậy,

¹⁵ Báo cáo số 4972/V03-P2 ngày 20/9/2023.

BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã xác định tính tiết "*có tổ chức*" là tính tiết định khung tăng nặng được quy định tại 141 điều luật¹⁶ trong số 318 điều luật của Phần các tội phạm, điều này cho thấy tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội có tổ chức. Mặc dù là một dạng đồng phạm ở cấp độ cao với phương thức hoạt động tinh vi hơn, có sự bàn bạc, thống nhất kỹ lưỡng giữa các thành viên, tuy nhiên, cũng giống như đồng phạm, tính tiết "*phạm tội có tổ chức*" chỉ áp dụng trong các vụ án cụ thể, các đối tượng thực hiện một tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS, chính vì vậy, quy định về phạm tội có tổ chức cũng không thể thay thế hoặc bao gồm quy định về tội phạm có tổ chức. Phạm tội có tổ chức là trường hợp đồng phạm có tính chất nguy hiểm cao cho xã hội thể hiện sự bàn bạc, phân công vai trò của người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện hành vi phạm tội, có kỷ luật, quy ước hoạt động và được coi là một tính tiết tăng nặng theo điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và là tính tiết định khung tăng nặng trong một số tội được quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn tội phạm có tổ chức là hành vi hoặc nhóm hành vi phạm tội được thực hiện bởi nhóm tội phạm có tổ chức (hay còn gọi là tổ chức tội phạm). Tính tiết "*phạm tội có tổ chức*" được quy định hai lần trong phần chung và nhiều lần ở các điều khoản ở phần tội phạm cụ thể của BLHS nêu trên.

d) Quy định về hình sự hóa hành vi tham gia nhóm tội phạm có tổ chức:
Công ước UNTOC quy định: Yêu cầu tội phạm hóa đối với hành vi tham gia vào nhóm tội phạm có tổ chức của Công ước UNTOC quy định tại Điều 5, trong đó, đưa ra những yêu cầu bắt buộc và tùy nghi cho quốc gia thành viên trong hình sự hóa loại tội phạm này, cụ thể:

Thứ nhất, Công ước UNTOC yêu cầu bắt buộc các quốc gia thành viên phải tội phạm hóa một hoặc cả hai loại hành vi: (1) Hành vi thỏa thuận với một hoặc nhiều người để thực hiện một tội phạm nghiêm trọng để đạt được lợi ích tài chính hoặc lợi ích vật chất khác (Điều 5, Khoản 1 (a) (i)); (2) Hành vi tham gia vào các hoạt động tội phạm của nhóm tội phạm có tổ chức hoặc các hoạt động khác của nhóm tội phạm có tổ chức (Điều 5, Khoản 1 (a) (i) (ii)). Đối với loại

¹⁶ Điều 123; Điều 134; Điều 141; Điều 142; Điều 146; Điều 147; Điều 149; Điều 150; Điều 151; Điều 152; Điều 153; Điều 154; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 159; Điều 160; Điều 161; Điều 163; Điều 164; Điều 166; Điều 167; Điều 168; Điều 169; Điều 170; Điều 171; Điều 173; Điều 174; Điều 175; Điều 178; Điều 188; Điều 189; Điều 190; Điều 190; Điều 191; Điều 192; Điều 193; Điều 194; Điều 195; Điều 196; Điều 200; Điều 202; Điều 203; Điều 209; Điều 210; Điều 210; Điều 211; Điều 212; Điều 213; Điều 214; Điều 215; Điều 218; Điều 219; Điều 220; Điều 221; Điều 222; Điều 223; Điều 224; Điều 225; Điều 226; Điều 220; Điều 227; Điều 220; Điều 228; Điều 220; Điều 229; Điều 230; Điều 230; Điều 231; Điều 232; Điều 233; Điều 234; Điều 236; Điều 237; Điều 238; Điều 239; Điều 243; Điều 244; Điều 245; Điều 246; Điều 247; Điều 248; Điều 249; Điều 250; Điều 250; Điều 251; Điều 252; Điều 253; Điều 254; Điều 257; Điều 258; Điều 259; Điều 282; Điều 285; Điều 286; Điều 287; Điều 288; Điều 289; Điều 290; Điều 291; Điều 293; Điều 294; Điều 297; Điều 301; Điều 302; Điều 303; Điều 304; Điều 305; Điều 306; Điều 309; Điều 311; Điều 317; Điều 318; Điều 323; Điều 324; Điều 325; Điều 326; Điều 327; Điều 328; Điều 330; Điều 337; Điều 341; Điều 342; Điều 344; Điều 353; Điều 354; Điều 355; Điều 356; Điều 357; Điều 358; Điều 359; Điều 361; Điều 364; Điều 365; Điều 371; Điều 375; Điều 382; Điều 386; Điều 387; Điều 388; Điều 382

hành vi này, Công ước UNTOC đòi hỏi về ý thức chủ quan của người phạm tội là biết rõ mục đích và hoạt động phạm tội chung của nhóm tội phạm hoặc biết rõ ý định của một nhóm tội phạm có tổ chức về việc thực hiện tội phạm.

Thứ hai, các quốc gia thành viên phải có nghĩa vụ tội phạm hóa hành vi "tổ chức, chỉ đạo, hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện hoặc tư vấn cho việc thực hiện một tội phạm nghiêm trọng của một nhóm tội phạm có tổ chức (khoản 1 (b))". Với yêu cầu này, Công ước UNTOC đặt ra trách nhiệm hình sự cho những người có hành vi xúi giục, hỗ trợ cho nhóm tội phạm có tổ chức. Đặc biệt, Công ước UNTOC đặt ra trách nhiệm hình sự đối với người đứng đầu tổ chức tội phạm mà không phải tham gia trực tiếp thực hiện tội phạm.

- *Quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):* Có ba điều luật quy định hành vi thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm để thực hiện tội phạm: Điều 109 (Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân); điểm a khoản 2 Điều 113 (Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân) và điểm a khoản 2 Điều 299 (Tội khủng bố). Tại ba điều trên cho thấy, chỉ cần thực hiện hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, tổ chức khủng bố nhằm lật đổ chính quyền nhân dân hoặc tham gia, thành lập nhóm khủng bố là đã phạm tội mà không cần có hành vi lật đổ chính quyền nhân dân, khủng bố hoặc khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân. Đây là quy định mới của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhằm tội phạm hóa hành vi tham gia, thành lập nhóm tội phạm, hoàn toàn phù hợp với quy định của Công ước UNTOC, thể hiện được ý nghĩa ngăn ngừa tội phạm ngay từ hành vi tham gia hay thành lập nhóm tội phạm.

Ngoài việc tội phạm hóa hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố như trên, trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có nhiều điều luật quy định "*có tổ chức*" ở một số phương diện như: Có tổ chức là dấu hiệu được phản ánh là dấu hiệu định tội trong Tội bạo loạn (Điều 112), Tội tổ chức tảo hôn (Điều 183), Tội tổ chức đua xe trái phép (Điều 265); có tổ chức là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại 132 điều luật trong số 318 điều luật của Phần các tội phạm. Điều này cho thấy tình tiết định khung tăng nặng phạm tội có tổ chức đã được nhà làm luật Việt Nam chú trọng nhiều hơn khi xây dựng BLHS năm 2015 và trong quá trình sửa đổi năm 2017.

So sánh với quy định của Công ước UNTOC có thể thấy BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có những điểm tương đồng về tội phạm có tổ chức. Trong đó, đã quy định về hình thức đồng phạm có tổ chức, nhóm tội phạm trong Phần chung BLHS tương đồng với quy định của Công ước UNTOC tại Điều 5 (a) (ii). Bên cạnh đó, BLHS hiện hành cho phép xử lý hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức phạm tội nếu tổ chức đó được thành lập nhằm chống

chính quyền nhân dân, khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân hoặc khủng bố. Đây là điểm tương đồng rõ nhất giữa BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với quy định của Công ước UNTOC. Về điểm khác biệt, quy định của BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) vẫn còn sự khác biệt so với Công ước UNTOC như: hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm được BLHS quy định là một trong ba nhóm hành vi chuẩn bị phạm tội, đồng nghĩa với việc nhà làm luật cho rằng phạm tội có tổ chức chỉ thể hiện tính nguy hiểm khi những người đồng phạm câu kết với nhau từ giai đoạn chuẩn bị phạm tội cụ thể cho đến khi tội phạm hoàn thành. Tuy nhiên, theo quy định của Công ước UNTOC thì nhóm tội phạm đã bộc lộ tính nguy hiểm khi các đối tượng liên kết với nhau để mong muốn cùng nhau thực hiện tội phạm nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác mà chưa cần thiết bắt tay vào việc thực hiện tội phạm cụ thể.

e) Quy định về hình sự hóa hành vi hợp pháp hóa tài sản do phạm tội mà có:
 Tại Điều 6 Công ước UNTOC quy định nội dung này liên quan đến tội phạm hóa hành vi rửa tiền. Theo đó, về mặt khách quan, Công ước yêu cầu bắt buộc các quốc gia thành viên phải tội phạm hóa các hành vi: (1) Chuyển đổi hoặc chuyển giao tài sản do phạm tội mà có nhằm mục đích che giấu hoặc che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản (Điều 6, Khoản 1 (a) (i)); (2) Che giấu hoặc che giấu bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, việc chuyển nhượng, chuyển dịch hoặc quyền sở hữu hay những quyền đối với tài sản, dù biết rằng tài sản này do phạm tội mà có (Điều 6, Khoản 1 (a) (ii)). Công ước UNTOC cho phép các quốc gia có thể linh hoạt trong việc tội phạm hóa các hành vi: (1) Giành được, sở hữu hoặc sử dụng tài sản, dù tại thời điểm nhận được tài sản, biết rằng đó là tài sản do phạm tội mà có (Điều 6, Khoản 1 (b) (i)); (2) Tham gia, liên kết hay thông đồng thực hiện, nỗ lực thực hiện và hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện bất kỳ một hành vi phạm tội nào trong các hành vi tại điều này (Điều 6, Khoản 1 (b) (ii)) trên cơ sở tuân thủ các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật của từng quốc gia.

Về mặt chủ quan, Khoản 2 (f) Điều 6 quy định gồm hai yếu tố: (1) người phạm tội cố ý và (2) khi thực hiện hành vi, người phạm tội biết rằng tài sản liên quan đến hành vi đó có được từ tội phạm nguồn hoặc từ việc tham gia tội phạm nguồn. Hai yếu tố này có thể được chứng minh bằng các chứng cứ trực tiếp hoặc suy ra từ thực tiễn khách quan, chẳng hạn như thời gian, địa điểm của hành vi phạm tội hay động cơ của người phạm tội. Cùng đó, tại Điều 10 Công ước UNTOC yêu cầu các quốc gia thành viên áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với cá nhân và pháp nhân liên quan đến hoạt động rửa tiền. Bên cạnh đó, Công ước UNTOC cũng quy định về trách nhiệm hình sự đối với hành vi tự rửa tiền, đó là người thực hiện tội phạm nguồn đồng thời thực hiện hành vi rửa tài sản có được từ hoạt động phạm tội (Điều 6 (2) (e)).

- *Quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*: Điều 324 quy định một người phạm tội rửa tiền khi thực hiện một trong các hành vi sau: (1) Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có; (2) Sử dụng tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác; (3) Che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó; (4) Thực hiện một trong các hành vi nêu trên đối với tiền, tài sản biết là có được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có. Về mặt chủ quan, Điều 324 quy định dấu hiệu "*do mình phạm tội mà có*" và "*biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có*" thể hiện yếu tố chủ quan của người phạm tội, đồng thời khẳng định cá nhân rửa tiền sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi rửa tài sản do mình phạm tội mà có.

Như vậy, có thể thấy rằng, các hành vi quy định tại Điều 324 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bao gồm hầu hết các nhóm hành vi rửa tiền quy định tại Công ước UNTOC. Theo quy định của Công ước UNTOC khuyến nghị các quốc gia thành viên áp dụng tội phạm rửa tiền đối với phạm vi rộng nhất các tội phạm nguồn. Đồng thời yêu cầu các quốc gia xác lập những tội phạm nghiêm trọng như định nghĩa tại Công ước UNTOC, các tội phạm nêu trong Công ước UNTOC và tất cả các tội liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức là tội phạm nguồn. Điều 324 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không giới hạn phạm vi tội phạm nguồn, điều này được hiểu là mọi loại tội phạm, bao gồm tội phạm ít nghiêm trọng đều có thể trở thành tội phạm nguồn của tội rửa tiền. Quy định này phù hợp với khuyến nghị của Công ước, tuy nhiên, việc đặt ra một giới hạn đối với tội phạm nguồn có thể tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng trong việc xác định tội phạm rửa tiền trên thực tiễn.

g) *Quy định về hình sự hóa hành vi tham nhũng, Công ước UNTOC*: Điều 8 Công ước này quy định, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ tội phạm hóa các hành vi sau khi được thực hiện một cách cố ý: (1) Hứa hẹn, đề nghị hay mang đến một cách trực tiếp hay gián tiếp cho viên chức nhà nước một mối lợi không chính đáng dành cho người đó hay người hoặc thực thể khác để viên chức đó hành động hoặc không hành động trong khi thực hiện các phận sự chính thức của mình (Điều 8, Khoản 1 (a)); (2) Gợi ý hoặc chấp nhận một cách trực tiếp hay gián tiếp của viên chức nhà nước đối với một mối lợi không chính đáng dành cho người đó hay người hoặc thực thể khác để viên chức đó hành động hoặc không hành động trong khi thực hiện các phận sự chính thức của

mình (Điều 8, khoản 1 (b)); (3) Hành vi của những người đồng phạm khi thực hiện một trong hai hành vi nêu trên.

Về chủ thể: chủ thể hành vi tham nhũng có thể là chủ thể thường (khoản 1(a)) hoặc chủ thể đặc biệt (khoản 1(b) và khoản 2). Chủ thể đặc biệt được nêu rõ là “*công chức*”, “*công chức nhà nước nước ngoài hoặc một viên chức dân sự quốc tế*”.

- *Quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*: Đã dành riêng một chương XXIII quy định về các tội phạm về chức vụ và tham nhũng.¹⁷ Điểm đáng lưu ý của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quy định về các tội phạm tham nhũng, chức vụ là đã mở rộng phạm vi chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự ở khu vực ngoài nhà nước, như tại khoản 6 Điều 353 quy định về tội tham ô tài sản: “*Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước mà tham ô tài sản thì bị xử lý theo quy định của Điều này*”; khoản 6 Điều 354 quy định về tội nhận hối lộ: “*Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước mà nhận hối lộ thì bị xử lý theo quy định của Điều này*”. Từ những quy định này cho thấy, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã chứa đựng yếu tố nội luật hóa khá rõ trong khuôn khổ quy định của Công ước về chống tham nhũng, phù hợp quy định Điều 8 Công ước. Tuy nhiên, cũng cần tiếp tục nghiên cứu, đối chiếu từng điều luật và có sự thống nhất cách hiểu, hướng dẫn cụ thể đối với mỗi điều trong BLHS để hoàn thiện, phù hợp hơn với quy định của Công ước.

h) Quy định về hình sự hóa hành vi cản trở hoạt động tư pháp: Tại Điều 23 Công ước UNTOC quy định: Các quốc gia thành viên thông qua hoạt động lập pháp hoặc bằng cách thức khác tội phạm hóa hai nhóm hành vi: (1) Sử dụng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa hoặc hứa hẹn, đề nghị hoặc cung cấp một mối lợi không chính đáng để người bị thẩm vấn khai sai sự thật hoặc để can thiệp vào việc đưa ra lời khai hay đưa ra chứng cứ trong một vụ kiện liên quan đến các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này (can thiệp vào việc đưa ra lời khai, chứng cứ); (2) Sử dụng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa nhằm can thiệp vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính thức của một nhân viên tư pháp hoặc hành pháp liên quan đến các hành vi phạm tội được điều chỉnh bởi Công ước này (can thiệp vào hoạt động của nhân viên tư pháp, hành pháp). Hai nhóm hành vi này tác động lên hai nhóm đối tượng là người bị thẩm vấn và các nhân viên tư pháp, hành pháp trong quá

¹⁷ Các tội phạm về tham nhũng, gồm 07 điều luật quy định về các tội phạm: Tội Tham ô tài sản (Điều 353); Tội Nhận hối lộ (Điều 354); Tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355); Tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356); Tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357); Tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358) và Tội giả mạo trong công tác (Điều 359). Ngoài các tội phạm khác về chức vụ, Bộ luật còn quy định các tội phạm được thực hiện bằng hành vi mang tính vụ lợi, ở hình thức “hứa hẹn” như: Đưa hối lộ (Điều 364); Mối giới hối lộ (Điều 365) và Tội Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi (Điều 366).

trình phát hiện, điều tra, xử lý các hành vi phạm tội được yêu cầu tội phạm hóa trong Công ước UNTOC.

- *Quy định trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):* Điều 384 (tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu) đã hình sự hóa nhóm hành vi thứ nhất theo quy định tại Điều 23 (a) Công ước UNTOC này, cụ thể như sau: (1) Khoản 1 Điều 384 quy định rõ hành vi “*mua chuộc hoặc cưỡng ép người làm chứng, người bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc không khai báo, không cung cấp tài liệu; mua chuộc hoặc cưỡng ép người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối, người phiên dịch, người dịch thuật dịch xuyên tạc*”. (2) Điểm a, khoản 2 xác định hành vi “*dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn nguy hiểm khác*”; “*lợi dụng chức vụ, quyền hạn*” được xác định là tình tiết tăng nặng của loại tội này.

Đối với nhóm hành vi thứ hai quy định tại Điều 23(b) Công ước UNTOC, Điều 372 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật quy định hình sự hóa hành vi tương tự, đó là: “*1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng, thi hành án làm trái pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Theo đó, hành vi ép buộc có thể thể hiện bằng hình thức “*Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm khác*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 372.

Về mặt khách quan, các quy định tại Điều 372, 384 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã tương đồng với quy định tại Điều 23 Công ước UNTOC, tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề chưa đáp ứng được một cách triệt để theo yêu cầu của Công ước, cụ thể như sau:

- Điều 384 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chưa bao gồm đối tượng là “*các nhân chứng tiềm năng và những người khác ở vị trí cung cấp cho người có thẩm quyền chứng cứ liên quan*” như hướng dẫn và giải thích về khái niệm “*người bị thẩm vấn*” của Công ước UNTOC.

- Chủ thể của tội phạm theo Điều 372 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chủ thể đặc biệt (người có chức vụ, quyền hạn), theo đó, chủ thể thực hiện hành vi quy định tại Điều 23(b) Công ước UNTOC bao gồm cả chủ thể thường (người không có chức vụ, quyền hạn và chủ thể đặc biệt).

- Điều 330 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ (bao gồm hoạt động tư pháp) hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng

đến 03 năm. Chủ thể của tội chống người thi hành công vụ theo Điều 330 này là chủ thể thường.

Trên cơ sở so sánh, phân tích nêu trên cho thấy, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã đáp ứng và tương thích phần lớn yêu cầu của Công ước UNTOC về hình sự hóa tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Tuy nhiên, vẫn còn những điểm chưa hoàn toàn tương thích như có sự phân tách của mỗi điều luật, chưa nội luật hóa triệt để như đã nêu. Thời đại ngày nay, việc các quốc gia tích cực thiết lập, mở rộng hợp tác và hội nhập quốc tế trên nhiều lĩnh vực, trong đó lĩnh vực phòng, chống tội phạm trở thành xu thế tất yếu. Điều kiện pháp lý quan trọng là có sự tương đồng nhất định trong quy định về tội phạm của các quốc gia. Việc các nước ký kết Công ước UNTOC là tiền đề cho việc nâng cao hơn tính tương tích trong pháp luật hình sự của các quốc gia. Do vậy, việc pháp luật hình sự Việt Nam, trong đó BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có những quy định tương thích với Công ước UNTOC là tiền đề quan trọng để Việt Nam hợp tác với các nước trong đấu tranh với tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

3.2. Về nội luật hóa quy định của Nghị định thư TIP

- Điều 3 (a) Nghị định thư TIP quy định: *“Buôn bán người nghĩa là việc mua bán, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp và nhận người nhằm mục đích bóc lột bằng cách sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực hoặc bằng các hình thức ép buộc, bắt cóc, lừa gạt, man trá hay lạm dụng quyền lực hoặc vị thế để bị tổn thương hoặc bằng việc đưa, nhận tiền hay lợi nhuận để đạt được sự đồng ý của một người nhằm kiểm soát những người khác. Hành vi bóc lột bao gồm, ít nhất, việc bóc lột mại dâm những người khác hay những hình thức bóc lột tình dục khác, các hình thức lao động hoặc dịch vụ cưỡng bức, nô lệ hoặc những hình thức tương tự nô lệ, khổ sai hoặc việc lấy các bộ phận cơ thể”*. Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 của Việt Nam tại Điều 3 (các hành vi bị nghiêm cấm) quy định 12 hành vi bị nghiêm cấm, cụ thể là: (1) Mua bán người theo quy định tại Điều 119 và Điều 120 của BLHS; (2) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; (3) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác hoặc để thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này; (4) Cưỡng bức người khác thực hiện một trong các hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 điều này; (5) Môi giới để người khác thực hiện một trong các hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 điều này; (6) Trả thù, đe dọa trả thù nạn nhân, người làm chứng, người tố giác, người tố cáo, người thân thích của họ hoặc người ngăn chặn hành vi quy định tại điều này; (7) Lợi dụng hoạt động phòng, chống mua bán người để trục lợi, thực hiện các hành vi trái pháp luật để trục lợi, thực hiện các hành vi trái pháp luật; (8) Cản trở việc tố giác, tố cáo, khai

báo và xử lý hành vi quy định tại Điều này; (9) Kỳ thi, phân biệt đối xử với nạn nhân; (10) Tiết lộ thông tin về nạn nhân khi chưa có sự đồng ý của họ hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân; (11) Giả mạo là nạn nhân; (12) Hành vi khác vi phạm các quy định của Luật này.

- Điều 6 (hỗ trợ và bảo vệ các nạn nhân của việc buôn bán người) và Điều 8 (việc hồi hương các nạn nhân của việc buôn bán người) của Nghị định thư TIP cũng đã được nội luật hóa. Về hỗ trợ nạn nhân, các chế độ, chính sách dành cho nạn nhân bị mua bán như hỗ trợ nơi ở tạm thời, y tế, tâm lý, pháp lý, giáo dục, học nghề, việc làm, vay vốn, trợ cấp khó khăn ban đầu giúp nạn nhân có thể phục hồi về thể chất, tinh thần và xã hội; đồng thời, các cơ quan chức năng của Việt Nam cũng tích cực hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức liên quan khác để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ này.

Đối với hồi hương nạn nhân: Pháp luật Việt Nam tạo điều kiện để nạn nhân là người nước ngoài được trở về quốc gia nơi mà họ mang quốc tịch hoặc nơi thường trú cuối cùng. Các biện pháp áp dụng trong quá trình hồi hương nạn nhân phải dựa trên quy định pháp luật và thỏa thuận giữa Việt Nam với các nước, bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của nạn nhân.

3.3. Về hoàn thiện cơ sở pháp lý xây dựng Luật Dẫn độ, Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Luật Tương trợ tư pháp về hình sự; tham gia ý kiến văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

- Ngày 20/10/2021, Đảng đoàn Quốc hội có Đề án số 292-ĐA/ĐĐQH15 về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV theo hướng nghiên cứu tách Luật TTTP thành các luật riêng và được phê duyệt theo Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (Kết luận số 19-KL/TW). Theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW. Trên cơ sở này, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW (Quyết định số 2114/QĐ-TTg). Theo đó, Bộ Tư pháp được giao chủ trì phối hợp với các bộ, ngành nghiên cứu, rà soát Luật TTTP năm 2007; nghiên cứu khả năng tách ra xây dựng riêng dự án Luật TTTP về dân sự, dự án Luật TTTP về hình sự, dự án Luật Dẫn độ và Luật chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù để xem xét đưa vào Chương trình năm 2024 - 2025. Ngày 08/8/2023, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ Báo cáo số 248/BC-BTP rà soát Luật TTTP và nghiên cứu khả năng tách Luật TTTP. Tiếp đó, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 6409/VPCP-PL ngày 19/8/2023 thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ nhất trí với đề xuất của Bộ Tư pháp về việc tách Luật TTTP thành 04 luật riêng

điều chỉnh từng lĩnh vực khác nhau, xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 của Quốc hội.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công an đã hoàn thiện thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành lập đề nghị và xây dựng 02 Luật: Luật Dẫn độ và Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; dự kiến Bộ Công an trình Quốc hội khóa XV xem xét cho ý kiến vào kỳ họp thứ 9 vào tháng 5/2025 và thông qua vào kỳ họp thứ 10 vào tháng 10/2025. Đến nay, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 (Nghị quyết số 129/2024/QH15). Triển khai nghị quyết này, ngày 26/6/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 568/QĐ-TTg phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025. Theo đó, (1) Bộ Công an trình Chính phủ Luật Dẫn độ, Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù vào tháng 01/2025 và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào tháng 3/2025; (2) Bộ Tư pháp trình Chính phủ Luật TTTP về dân sự vào tháng 01/2025 và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào tháng 3/2025 cùng lịch với Bộ Công an. Theo Nghị quyết số 1065/NQ-UBTVQH15 ngày 14/6/2024 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về việc thực hiện Nghị quyết số 129/2024/QH15 của Quốc hội thì VKSNDTC trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội Luật TTTP về hình sự vào tháng 3/2025.

- Từ năm 2013 đến nay, các bộ, ngành, UBND, Công an cấp tỉnh đã nghiên cứu, tham gia ý kiến, phối hợp xây dựng, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia¹⁸.

- Tích cực thực hiện các dự án, đề án liên quan đến phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, cụ thể: Đề án nghiên cứu việc gia nhập Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và

¹⁸ Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013; BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); Luật Trẻ em năm 2016; Luật ĐUQT năm 2016; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Luật Thi hành án hình sự năm 2019; Luật Phòng, chống ma túy năm 2021; Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022; Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người. Dự thảo Luật sửa đổi bổ sung Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011; Luật Dẫn độ; Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; Luật TTTP về hình sự; Luật TTTP về dân sự; Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 150 (Tội mua bán người) và Điều 151 (Tội mua bán người dưới 16 tuổi); Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 324 của BLHS (Tội rửa tiền); Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, đơn vị, tổ chức.v.v...

đường không, bổ sung cho Công ước; Đề án “*Hoàn thiện pháp luật và theo dõi thi hành chính sách pháp luật về phòng, chống mua bán người*”.

- Đẩy mạnh việc ký kết, thực hiện các ĐUQT đa phương và song phương trong lĩnh vực hợp tác phòng chống tội phạm; tương trợ tư pháp về hình sự; dẫn độ; chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tạo cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng nhằm thúc đẩy hợp tác trên các kênh đa phương và song phương giữa Việt Nam và các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước đối tác quan trọng trên thế giới.

3.4. Việc nghiên cứu Việt Nam gia nhập Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không

- Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không là một trong ba Nghị định thư bổ sung Công ước UNTOC, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 15/11/2000 tại Kỳ họp thứ 55. Nghị định thư này đề nghị cho các quốc gia ký từ ngày 12 đến ngày 15/12/2000, tại Pa-léc-mô, I-ta-li-a (trong thời gian này có 77 quốc gia đã ký Nghị định thư tại trụ sở Liên hợp quốc ở Niu-ôóc, Hoa Kỳ). Theo quy định của Nghị định thư, sau thời điểm này, các quốc gia có thể trở thành thành viên của Nghị định thư bằng hình thức gia nhập. Nghị định thư được xây dựng đồng thời với Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP, dự thảo do Cộng hòa Áo đưa ra tại hội Nghị nhóm chuyên gia liên chính phủ được thành lập theo Nghị quyết số 52/85 ngày 12/12/1997 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, tổ chức. Nghị định thư được xây dựng nhằm mục đích phòng ngừa và chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường không, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người bị đưa đi di cư trái phép và tăng cường hợp tác giữa các quốc gia. Nghị định thư nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đối xử nhân đạo với những người di cư cũng như yêu cầu phải có một cách tiếp cận toàn diện ở quy mô toàn cầu để chống hành vi đưa người di cư trái phép, bao gồm cả các biện pháp kinh tế - xã hội để giải quyết tận gốc các nguyên nhân dẫn đến tình trạng này.¹⁹

Nghị định thư có hiệu lực từ ngày 28/01/2004, sau khi được 40 thành viên phê chuẩn. Tính đến tháng 12/2023, có 161 thành viên của Nghị định thư, bao gồm cả Liên minh châu Âu; trong đó hiện có 09 quốc gia đã ký như chưa phê chuẩn; 04/05 thành viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc là thành viên của Nghị định thư (Trung Quốc không ký và cũng chưa gia nhập); 05/10 quốc gia ASEAN là thành viên của Nghị định thư (gồm: Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin ký và phê chuẩn; Lào, Mi-an-ma gia nhập), Thái Lan đã ký

¹⁹ Báo cáo số 973/BC-BCA-V03 ngày 14/10/2020 của Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ về khả năng Việt Nam gia nhập Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường không, bổ sung cho Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

nhưng chưa phê chuẩn. Ngoài ra, Đông Ti-mo đã gia nhập Nghị định thư.²⁰

- Thực hiện nhiệm vụ được giao trong Quyết định 605/QĐ-TTg, Bộ Công an đã chủ trì nghiên cứu khả năng Việt Nam gia nhập Nghị định thư và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho Bộ Công an chủ trì, nghiên cứu khả năng Việt Nam gia nhập Nghị định thư trong Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc (ban hành kèm theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ). Ngày 14/10/2020, Bộ Công an có Báo cáo số 973/BC-BCA-V03 báo cáo Thủ tướng Chính phủ khả năng Việt Nam gia nhập Nghị định thư (Báo cáo số 973/BC-BCA-V03). Ngày 30/10/2020, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 2976/VPCP thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với Báo cáo số 973/BC-BCA-V03²¹. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an xây dựng Kế hoạch số 407/KH-BCA-V03 ngày 01/10/2021 về Lập hồ sơ đề xuất gia nhập Nghị định thư gửi xin ý kiến các bộ, ngành, xây dựng hồ sơ đề xuất Việt Nam gia nhập, Tờ trình số 39/TTr-BCA-V03 ngày 17/01/2023 trình Chính phủ việc Việt Nam gia nhập Nghị định thư.

Ngày 02/02/2023, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 600/VPCP-NC về việc Việt Nam gia nhập Nghị định thư thông báo ý kiến nhận thấy còn có ý kiến khác nhau²². Sau khi phối hợp, ngày 30/12/2023, Bộ Công an có Công văn số 4736/BCA-V03 báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc Việt Nam gia nhập Nghị định thư. Ngày 17/01/2024, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 365/VPCP-NC gửi Bộ Công an thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ²³. Hiện nay, Bộ Công an đang tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, nghiên cứu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ để trình Chính phủ việc gia nhập Nghị định thư bảo đảm thời hạn theo Quyết định số 402/QĐ-TTg.

²⁰ Tờ trình số 39/TTr-BCA-V03 ngày 17/01/2023 của Bộ Công an về việc Việt Nam gia nhập Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường không, bổ sung cho Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

²¹ (1) “Giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan, nghiên cứu, xây dựng hồ sơ đề xuất về việc Việt Nam gia nhập Nghị định thư chống di cư trái phép theo quy định của Luật ĐUQT năm 2016, trình Chính phủ trong năm 2022”; (2) “Đề nghị TANDTC, VKSNDTC và các bộ: Giao thông vận tải; Lao động - Thương binh và Xã hội; Ngoại giao; Nội vụ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quốc phòng; Tài chính; Tư pháp; Y tế phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an trong quá trình nghiên cứu, xây dựng hồ sơ đề xuất về việc Việt Nam gia nhập Nghị định thư nêu trên cũng như chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai thực hiện sau khi Việt Nam trở thành thành viên của Nghị định thư”

²² Văn phòng Chính phủ chuyển lại hồ sơ nêu trên đến Bộ Công an để chủ trì họp, bàn thống nhất với các cơ quan liên quan trước khi trình Chính phủ theo quy định.

²³ (1) “Đồng ý với kiến nghị của Bộ Công an tại văn bản nêu trên, đưa nhiệm vụ trình Chính phủ về việc gia nhập Nghị định thư ra khỏi Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; (2) Bộ Công an tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ về việc gia nhập Nghị định thư, bảo đảm thời hạn theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc.”

II. KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC THI CÔNG ƯỚC UNTOC VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ TIP

1. Kết quả hoạt động hợp tác quốc tế, trao đổi thông tin phòng, chống tội phạm mua bán người, ma túy và một số nội dung liên quan đến Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

1.1. Kết quả hợp tác quốc tế, trao đổi thông tin, tham gia hội nghị, hội thảo, ký kết các văn bản hợp tác với các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài liên quan đến Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

Hàng năm, các bộ, ngành, UBND, Công an cấp tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch hợp tác, chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh trấn áp tội phạm mua bán người, đặc biệt trên các tuyến biên giới; triển khai thực hiện các kế hoạch hợp tác trao đổi thông tin liên quan đến phòng chống tội phạm nói chung, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và tội phạm mua bán người ở khu vực biên giới với các đơn vị thuộc Công an các tỉnh, huyện của nước bạn góp phần giữ vững ổn định, bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn, phục vụ có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong giai đoạn 2013-2023, các lực lượng Công an, Biên phòng đã chủ động thực hiện hoạt động nghiệp vụ, trao đổi thông tin, phát hiện, bắt giữ các đối tượng phạm tội và giải cứu nhiều nạn nhân bị mua bán²⁴.

- Duy trì các cuộc giao ban, hội đàm trao đổi kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm; trao đổi thông tin, tình hình liên quan đến tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và tội phạm mua bán người; thiết lập đường dây nóng giữa các địa bàn có chung biên giới. Thường xuyên tổ chức phối hợp tuần tra chung bảo vệ cột mốc, đường biên, điều tra xử lý kịp thời các vụ việc phức tạp xảy ra, góp phần thắt chặt tình đoàn kết, mối quan hệ phối hợp công tác.

- Phối hợp các mặt công tác nghiệp vụ, lên danh sách và nắm các đối tượng có tiền án, tiền sự về mua bán người hiện đang còn điều kiện phạm tội; có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội mua bán người hoặc liên quan đến hoạt động này; số đối tượng thường xuyên qua lại biên giới có biểu hiện như: tìm người giúp việc, tuyển mộ người đi lao động, làm việc ở nước ngoài (Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Trung Quốc...) hoặc ở các thành phố lớn trong nước, cơ sở kinh doanh nhạy cảm nghi vấn liên quan đến mua bán người.

- Các bộ, ngành tích cực cử người tham dự hội nghị, hội thảo tại các nước²⁵ nhằm nâng cao nhận thức, trao đổi kinh nghiệm trong công tác đấu tranh

²⁴ Đã phát hiện, khởi tố điều tra 357 vụ án, bắt giữ 644 đối tượng phạm tội "Mua bán người", "Mua bán người dưới 16 tuổi", qua các vụ án đã phát hiện, giải cứu 788 nạn nhân.

²⁵ Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Phi-lip-pin và các hội nghị trong nước, tổ chức quốc tế như: ASEAN-ACT, UNDP, UNODC, AATIP, UN-ACT, IOM,

phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, trừng trị, trấn áp tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Bộ Công an đã chủ động phối hợp với cơ quan thực thi pháp luật các nước triển khai hoạt động hợp tác quốc tế lĩnh vực này qua kênh INTERPOL, ASEANAPOL trao đổi thông tin tội phạm. Tính riêng giai đoạn 2018-2023 đã tiếp nhận, xử lý các yêu cầu cung cấp thông tin về tội phạm.²⁶

- Công tác truy nã tội phạm qua kênh INTERPOL: hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương hoàn thiện hồ sơ đề nghị INTERPOL ban hành lệnh truy nã quốc tế và phối hợp để truy bắt, bàn giao đối tượng phạm tội²⁷.

Tăng cường mối quan hệ, phối hợp điều tra xử lý tội phạm, giải quyết vụ việc mua bán người, phối hợp truy bắt đối tượng phạm tội, giải cứu, xác minh và tiếp nhận nạn nhân bị mua bán theo các Kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Trung Quốc; Việt Nam - Lào; Việt Nam - Cam-pu-chia về hợp tác phòng, chống mua bán người. Thường xuyên tham gia các cuộc hội đàm, giao ban định kỳ luân phiên với lực lượng đối đẳng của nước bạn để phối hợp trao đổi thông tin, giải quyết các vụ việc xảy ra ở khu vực biên giới; tiếp tục triển khai có hiệu quả Tiến trình COMMIT, Tiến trình Bali.

Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành đã tổ chức thực hiện các Hiệp định, thỏa thuận hợp tác song phương về phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, phòng, chống mua bán người mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết với Chính phủ nhiều nước²⁸.

Bộ Công an đã tiếp nhận, giải quyết đầy đủ các yêu cầu TTTP về hình sự từ các quốc gia trên thế giới, nội dung chủ yếu về hoạt động dẫn độ, chuyển giao người bị kết án phạt tù, xác minh nhân thân, lai lịch đối tượng. Việc thực hiện các yêu cầu TTTP được giải quyết kịp thời theo đúng quy định của pháp luật. Định kỳ, tổ chức ký kết các biên bản ghi nhớ về phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự khu

Văn phòng RSO/Tiến trình Bali, Tổ chức Vòng tay Thái Bình, Tổ chức Trẻ em Rừng Xanh (BDCF), Tổ chức Hagur...

²⁶ Có 2.320 yêu cầu, trong đó 798 của cơ quan điều tra trong nước; 1.522 yêu cầu của các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài, chủ yếu liên quan đến các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy, xác minh tài khoản ngân hàng, địa chỉ IP, tiền án, tiền sự các đối tượng phạm tội... trong các vụ án liên quan đến Việt Nam, trong đó có 29 yêu cầu xác minh thông tin liên quan đến các vụ việc về mua bán người.

²⁷ Hướng dẫn lập 355 hồ sơ đề nghị INTERPOL ban hành lệnh truy nã quốc tế (Thông báo đó) đối với 355 đối tượng truy nã của Việt Nam nghi trốn ra nước ngoài để đề nghị Cảnh sát các nước phối hợp truy bắt, trong đó 36 đối tượng truy nã phạm tội liên quan đến mua bán người. Phối hợp với Cảnh sát nước ngoài xác minh, tiếp nhận và dẫn giải 12 đối tượng truy nã từ nước ngoài về Việt Nam; đã phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương truy bắt, bàn giao 34 đối tượng truy nã quốc tế cho Cảnh sát nước ngoài.

²⁸ Bản Ghi nhớ hợp tác giữa Việt Nam - Vương quốc Anh và Bắc Ai Len trong phòng, chống mua bán người; Thỏa thuận hợp tác với các nước Tiểu vùng sông Mê Kông, Công ước ASEAN về phòng chống mua bán người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Hằng năm trao đổi với Đại sứ quán Hoa Kỳ về Báo cáo tình hình mua bán người hằng năm của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ nhằm đưa ra quan điểm, cơ chế hợp tác với Hoa Kỳ trong phòng, chống mua bán người. Hợp tác song phương với lực lượng thực thi pháp luật trên biển của các nước Trung Quốc, Cam-pu-chia, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ.

vực biên giới trong đó có nội dung công tác phòng chống tội phạm mua bán người. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế, phi chính phủ trong công tác giải cứu, tiếp nhận nạn nhân bị mua bán, tổ chức tập huấn, hội thảo, truyền thông phòng, chống mua bán người.²⁹

Bộ Công an phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ tư pháp, VKSNDTC, TANDTC, Văn phòng Chủ tịch nước và các bộ, ngành, địa phương có liên quan đã đàm phán, ký 72 ĐUQT về TTTP hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, phòng chống tội phạm.³⁰

Hằng năm, Công an các tỉnh đã phối hợp, giao ban đánh giá kết quả hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh, trật tự và tổ chức ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác quốc tế với các đơn vị giáp biên giới nước ta; duy trì, tổ chức giao ban luân phiên định kỳ hàng quý giữa Công an các huyện giáp biên giới với các đơn vị giáp biên giới nước ta, nhằm trao đổi tin tức, tài liệu, phối hợp lực lượng chức năng nước bạn trong đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, thực hiện tốt hoạt động TTTP. Công an các tỉnh đã phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho nhau trong việc truy bắt tội phạm, điều tra, xác minh đối tượng gây án và trao trả số đối tượng vi phạm pháp luật ở địa bàn.

1.2. Kết quả hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm mua bán người

- *Về hợp tác quốc tế đa phương, song phương:* Các bộ, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ nỗ lực hợp tác đa phương về mua bán người thông qua nhiều kênh trao đổi thông tin và phối hợp chặt chẽ để nắm tình hình³¹. Tham gia các tiến trình khu vực, quốc tế³² về di cư, mua bán người; phòng, chống tội phạm

²⁹ Phối hợp với các tổ chức như: Hội đồng Anh tại Việt Nam, Tổ chức Tầm nhìn thế giới WVV, Tổ chức Di cư quốc tế IOM... triển khai các hoạt động trong khuôn khổ dự án "Đấu tranh chống mua bán người và nô lệ thời hiện đại: Tiếp cận liên ngành nhằm thay đổi hành vi, tăng cường hỗ trợ tiếp cận pháp lý và tái hòa nhập cho nạn nhân"; phối hợp Đại sứ quán Anh, Ô-xtrây-li-a, Pháp và tổ chức Di cư quốc tế IOM tổ chức các khóa đào tạo tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý xuất nhập cảnh, đội ngũ kiểm soát viên tại các cửa khẩu quốc tế; tham vấn và đưa ra các khuyến nghị hướng tới việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về phòng, chống mua bán người; Dự án "Hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng"; Dự án "nâng cao năng lực cho phụ nữ và trẻ em gái trong phòng, chống mua bán người, các hình thức xâm hại, bạo lực ở phụ nữ và trẻ em gái"...

³⁰ Công ước ASEAN về chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng; Hiệp định ASEAN về dẫn độ; Nghị định thư TIP bổ sung Công ước UNTOC; Hiệp định TTTP về hình sự giữa Việt Nam với các nước: I-ta-li-a, Ma-rốc, các Tiểu vương quốc A-rập thống nhất (UAE), Ả-rập-xê-út, Nhật Bản; Hiệp định dẫn độ giữa Việt Nam với các nước: Ca-ta, Ni-giê-ri-a; Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa Việt Nam với các nước: I-ran, Bru-nây, Lào, Lit-va, Phi-lip-pin, I-ta-li-a.

³¹ Thường xuyên trao đổi về chủ trương, thành tựu của Việt Nam trong phòng chống mua bán người tại Đối thoại Nhân quyền với EU, Ô-xtrây-li-a...; làm việc định kỳ với một số Cơ quan đại diện nước ngoài tại Hà Nội. Bộ Ngoại giao duy trì liên hệ với phía Hoa Kỳ, thông tin kịp thời, chính xác về tình hình và nỗ lực phòng, chống mua bán người của Việt Nam; tiếp tục vận động, đấu tranh với những nhận định thiếu khách quan, chưa chính xác trong Báo cáo thường niên về tình hình mua bán người trên thế giới của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Cơ quan đại diện thường xuyên phối hợp với Cơ quan nước sở tại theo dõi, nắm tình hình công dân Việt Nam ở nước ngoài nhằm kịp thời triển khai công tác bảo hộ trong trường hợp cần thiết.

³² Tham dự: Diễn đàn toàn cầu về Di cư và phát triển (GFMD); Tiến trình Bali về phòng, chống đưa người di cư trái phép, mua bán người và tội phạm xuyên quốc gia có liên quan (Tiến trình Bali); Sáng kiến phối hợp cấp Bộ trưởng phòng, chống mua bán người tiểu vùng sông Mê - Kông (Tiến trình COMMIT) và Ủy ban

xuyên quốc gia góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm; tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính trong các hoạt động nâng cao năng lực phòng, chống mua bán người của Việt Nam.

Bộ Công an ký Tuyên bố chung lần thứ hai (năm 2013), lần thứ 3 (năm 2015) và Kế hoạch hành động Tiểu vùng sông Mê - Kông về phòng, chống mua bán người (COMMIT) giai đoạn III (2011 - 2013), giai đoạn IV (2015 - 2018). Ngày 19/5/2015, ban hành Quyết định kiện toàn Ban Công tác liên ngành thực hiện sáng kiến cấp Bộ trưởng các nước Tiểu vùng sông Mê - Kông về phòng, chống mua bán người của Việt Nam. Hằng năm, Ban Công tác liên ngành COMMIT Việt Nam tổ chức sơ kết các hoạt động trong khuôn khổ hợp tác các nước Tiểu vùng sông Mê - Kông, ban hành kế hoạch thực hiện năm tiếp theo và tham gia các diễn đàn, hội nghị, cuộc họp thường niên cấp vùng, khu vực về phòng, chống mua bán người. Tham mưu Chính phủ: (1) Tổ chức Hội nghị quan chức cấp cao lần thứ 8 (SOM8) và Hội nghị cấp Bộ trưởng lần thứ 3 (IMM3) về phòng, chống mua bán người; (2) ban hành Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 12/3/2015 phê duyệt dự án *"Hợp tác phòng, chống mua bán người giữa Ô-xtrây-li-a - Châu Á, Thái Bình Dương"*; (3) tham gia Dự án khu vực *"Hợp tác hành động chống lại nạn mua bán người"* và ban hành Quyết định số 5450/QĐ-BCA phê duyệt dự án giai đoạn 2014 - 2018, tập trung các lĩnh vực: Hợp tác và chính sách; điều tra, truy tố, xét xử; bảo vệ, phòng ngừa và giám sát, đánh giá; tổng kết 10 năm (2004 - 2014) hợp tác phòng, chống mua bán người các nước Tiểu vùng sông Mê - Kông và phối hợp Ban Chỉ đạo COMMIT khu vực thống nhất kế hoạch giai đoạn 2014-2018.

Chủ động triển khai các cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có tội phạm mua bán người. Triển khai kế hoạch và theo dõi, báo cáo việc thực hiện Quyết định số 668/QĐ-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Khuyến nghị của Ủy ban về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên hợp quốc.

- Các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các Hiệp định, thỏa thuận hợp tác song phương giữa Việt Nam với Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan và Trung Quốc về phòng, chống mua bán người³³. Duy trì hợp thường

Thúc đẩy và Bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em ASEAN (ACWC). Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như: Tổ chức Di cư quốc tế (IOM); Tổ chức Lao động quốc tế (ILO); Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn (UNHCR); Văn phòng Liên hợp quốc về chống Ma túy và Tội phạm (UNODC); Tổ chức Phụ nữ Liên hợp quốc (UN Women)... và các tổ chức phi chính phủ như Tổ chức Tầm nhìn thế giới (World Vision), Quỹ toàn cầu nhằm chấm dứt tình trạng nô lệ hiện đại (GFEMS).

³³ Tổng kết 05 năm thực hiện Hiệp định Việt Nam - Trung Quốc và thông qua kế hoạch giai đoạn 2016-2020; và 05 năm thực hiện Hiệp định Việt Nam - Cam-pu-chia về phòng, chống mua bán người, bảo vệ nạn nhân và thống nhất kế hoạch thực hiện Hiệp định giai đoạn 2017-2020; tổ chức Hội nghị song phương đánh giá kết quả phối hợp thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam - Thái Lan về phòng chống mua bán người giai đoạn 2013-2016 và ký kế hoạch hoạt động ưu tiên phối hợp thực hiện Hiệp định giai đoạn 2017-2020.

niên với cơ quan chức năng các nước trong thực hiện Hiệp định và phối hợp tổ chức đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm mua bán người³⁴. Tổ chức giao ban định kỳ hằng năm giữa lực lượng Cảnh sát hình sự Việt Nam và Trung Quốc, Ma-lai-xi-a về hợp tác phòng, chống mua bán người. Lực lượng Công an phối hợp Biên phòng của 25 tỉnh biên giới đẩy mạnh hợp tác với cơ quan chức năng Cam-pu-chia, Lào và Trung Quốc duy trì đường dây nóng, gặp gỡ, đàm phán nhằm chủ động trao đổi thông tin, phối hợp điều tra, truy bắt tội phạm, giải cứu, tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán trở về. Triển khai nhiều kế hoạch phối hợp tuần tra chung, kiểm tra, kiểm soát biên giới phòng, chống di cư trái phép và mua bán người³⁵. Tham dự nhiều hội nghị, hội thảo, tiếp và làm việc với đại diện cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế hợp tác đa phương, song phương về phòng, chống mua bán người. Phối hợp các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức quốc tế³⁶ triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng mô hình hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng; biên tập tài liệu, đào tạo, hội thảo hoàn thiện chính sách pháp luật về phòng, chống mua bán người.

Tổ chức Hội thảo quốc tế chia sẻ thông tin về phòng, chống mua bán người với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành, Đại sứ quán một số nước tại Việt Nam và tổ chức quốc tế liên quan. Duy trì kênh liên lạc với các nước, tổ chức quốc tế, nhất là phía Hoa Kỳ nhằm cung cấp, chia sẻ thông tin về nỗ lực của Việt Nam trong công tác phòng, chống mua bán người.

1.3. Kết quả hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm về ma túy

Trong công tác xây dựng, đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các ĐUQT về phòng, chống ma túy³⁹. Hợp tác song phương với các nước được tăng cường theo hướng đi sâu giải quyết công việc cụ thể và mang tính thực tiễn. Cơ chế giao ban giữa các tỉnh đã hình thành và dần đi vào thường xuyên. Việt Nam đã hỗ trợ nâng cao năng lực cho lực lượng phòng, chống ma túy Lào, Cam-pu-chia thông qua các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, đầu tư kinh phí

³⁴ Có 19 Tòa án nhân dân cấp tỉnh có chung đường biên giới với Cam-pu-chia và Lào ký bản ghi nhớ hợp tác với Tòa án cấp tỉnh nước bạn để trao đổi thông tin về thực hiện Hiệp định TTTP; phối hợp trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia; tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ, đột xuất nhằm trao đổi thông tin để phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh phòng ngừa tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có tội phạm mua bán người.

³⁵ Đã tổ chức 1.400 cuộc hội đàm 3 cấp, trao đổi gần 1.500 công thư, hơn 2.500 lượt điện thoại qua đường dây nóng, tổ chức hơn 100 đoàn ra và đón hơn 100 đoàn trao đổi, xác minh hơn 4.000 trường hợp công dân Việt Nam cư trú trái phép ở nước ngoài, trao đổi hơn 5.500 thông tin liên quan đến hoạt động tội phạm mua bán người và các đối tượng khác có liên quan.

³⁶ Điển hình như: Tổ chức Di cư quốc tế (IOM), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Tầm nhìn thế giới (WVI), Chương trình hợp tác ASEAN - Australia về phòng, chống mua bán người (AAPTIP)...

³⁹ Việt Nam đã ký 31 Hiệp định, Bản ghi nhớ, Thỏa thuận quốc tế tham gia các cơ chế hợp tác đa phương trong ASEAN, tiểu vùng sông Mê Kông, khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Liên hợp quốc; cơ chế hợp tác song phương với Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nga, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Hung-ga-ri, Pê-ru, Đài Loan (Trung Quốc). Trong đó, có 08 Hiệp định, Thư thỏa thuận và 01 Nghị định thư cấp Chính phủ; còn lại do Bộ Công an tham gia ký kết.

và phương tiện. Việt Nam còn tăng cường hợp tác về phòng, chống ma túy với các đối tác trong khu vực và trên thế giới như Thái Lan, Mi-an-ma, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Ôt-xtrây-li-a... Thông qua đó tranh thủ nguồn lực góp phần ngăn chặn ma túy từ xa vào Việt Nam và từ Việt Nam đi các nước thứ ba. Các địa phương có đường biên giới đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền tăng cường phối hợp với các tỉnh giáp biên của nước bạn ký kết kế hoạch hợp tác, tổ chức giao ban định kỳ, đột xuất, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm nâng cao năng lực đấu tranh phòng, chống tội phạm và ma túy; chủ động nắm chắc tình hình, phối hợp đấu tranh, truy bắt tội phạm ma túy góp phần đảm bảo an ninh, trật tự khu vực biên giới. Tích cực tham gia đóng góp tại các diễn đàn đa phương, cung cấp thông tin, tuyên truyền về chính sách, quan điểm và thành tựu của ta trong lĩnh vực này, đồng thời đấu tranh bác bỏ thông tin sai lệch liên quan đến công tác phòng, chống ma túy và cai nghiện tại Việt Nam⁴⁰.

Tích cực hợp tác với các cơ quan Liên hợp quốc và tổ chức quốc tế (UNODC, INCB, Colombo Plan, INTERPOL...) trong phối hợp triển khai nội dung của 03 Công ước Liên hợp quốc về ma túy; tranh thủ sự hỗ trợ, ủng hộ của các tổ chức này trong công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ cán bộ và các dự án hỗ trợ kỹ thuật. Việc hợp tác quốc tế đã giúp Việt Nam tiếp nhận và chia sẻ hàng nghìn thông tin về tội phạm ma túy với Cảnh sát các nước. Nhiều thông tin đã giúp cho cơ quan chức năng phối hợp đấu tranh triệt phá nhiều đường dây mua bán, vận chuyển ma túy lớn.

Từ các hoạt động hợp tác trên, Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển, cơ quan Hải quan đã phát hiện, điều tra bắt giữ nhiều đối tượng tội phạm ma túy và tịch thu số lượng lớn tang vật⁴¹.

2. Kết quả thực hiện công tác dẫn độ

- Về tiếp nhận yêu cầu dẫn độ của nước ngoài: Tính đến tháng 9/2023, căn cứ quy định của Luật TTTP năm 2007, áp dụng ĐUQT và pháp luật trong nước có liên quan, Bộ Công an đã tiếp nhận và xử lý 38 yêu cầu dẫn độ do cơ

⁴⁰ Tham gia xây dựng các Nghị quyết, văn kiện về ma túy tại Ủy ban nhân quyền và các vấn đề xã hội Liên hợp quốc, các khóa họp thường niên của Ủy ban Kiểm soát ma túy Liên hợp quốc và Khóa họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc (UNGASS) năm 2016, phối hợp xây dựng tuyên bố chung của ASEAN tại các diễn đàn này; chủ động đưa ra sáng kiến nâng cao hiệu quả hợp tác như: “Xây dựng Kế hoạch hành động của ASEAN về phòng, chống ma túy 2007-2015”, kế hoạch hành động các nước tiểu vùng sông Mê Kông và dự án hợp tác khu vực; tích cực tham gia các hoạt động trong khuôn khổ hợp tác ASEAN; tham gia 06 kỳ Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về các vấn đề ma túy (AMMD) từ năm 2012 đến nay, năm 2018 ta là nước chủ nhà; tham gia các cơ chế phối hợp giữa ASEAN với các nước đối tác; tăng cường hợp tác trong khuôn khổ Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), trong đó năm 2017 ra “Tuyên bố ARF về tăng cường hợp tác phòng chống ma túy”

⁴¹ Kết quả đấu tranh với tội phạm ma túy có tổ chức xuyên quốc gia của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy từ tháng 4/2013 đến tháng 4/2023 đã bắt giữ 3.051 vụ, 8.063 đối tượng phạm tội về ma túy. Thu giữ 6.652.487 viên và 12.697.5 kg ma túy tổng hợp; 3.543.6 kg hê-ro-in; 662.7 kg cần sa; 1.409.5 kg thuốc phiện cùng nhiều tài liệu, phương tiện có liên quan.

quan có thẩm quyền của phía nước ngoài gửi đến⁴².

- Về yêu cầu dẫn độ của Việt Nam: Tính đến tháng 9/2023, Công an các đơn vị, địa phương đã đề nghị hướng dẫn việc lập yêu cầu dẫn độ đối với 86 đối tượng truy nã bỏ trốn ra nước ngoài⁴³.

3. Kết quả thực hiện công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù

- Tình hình người nước ngoài chấp hành án phạt tù ở Việt Nam và việc chuyển giao phạm nhân ra nước ngoài: Tính đến hết tháng 4/2023, số lượng phạm nhân là người nước ngoài phạm tội chấp hành án hình sự tại các cơ sở giam giữ trên lãnh thổ Việt Nam⁴⁴. Với tư cách là Cơ quan Trung ương về chuyển giao người bị kết án phạt tù, Bộ Công an đã tiếp nhận và xử lý⁴⁵.

- Tình hình phạm nhân người Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài và việc tiếp nhận các phạm nhân này về Việt Nam: Tính đến ngày 30/9/2023, Bộ Công an đã nhận được trên 76 đề nghị của phía nước ngoài về việc chuyển giao công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam tiếp tục chấp hành án phạt tù⁴⁶. Hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù thể hiện chính sách nhân đạo, khoan dung của Nhà nước ta đối với người phạm tội là người nước ngoài và trách nhiệm đối với công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài.

⁴² Gồm 24 yêu cầu dẫn độ theo các hiệp định song phương về dẫn độ; 14 yêu cầu dẫn độ theo nguyên tắc có đi có lại. Đã thực hiện dẫn độ cho phía nước ngoài 19 đối tượng; từ chối 07 yêu cầu dẫn độ (vì lý do vào thời điểm nhận được yêu cầu dẫn độ, người bị yêu cầu dẫn độ đã bỏ trốn hoặc không có mặt trên lãnh thổ Việt Nam; đã đề nghị phía nước ngoài bổ sung thông tin nhưng không nhận được phản hồi; đã dẫn độ cho quốc gia khác; phía nước ngoài rút yêu cầu dẫn độ); đang tiếp tục xử lý 12 yêu cầu dẫn độ theo quy định của pháp luật.

⁴³ Đã lập và chuyển 68 hồ sơ yêu cầu dẫn độ đến cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (gồm 40 yêu cầu dẫn độ theo hiệp định song phương về dẫn độ; 28 yêu cầu dẫn độ theo nguyên tắc có đi có lại), trong đó: Đã dẫn độ được 07 đối tượng về Việt Nam; phía nước ngoài từ chối dẫn độ 09 đối tượng; kết thúc 04 yêu cầu do đối tượng bị yêu cầu dẫn độ đã chết hoặc bị bắt giữ khi quay trở về Việt Nam; Bộ Công an đang đôn đốc phía nước ngoài xem xét, giải quyết 48 yêu cầu dẫn độ còn lại; đang tiếp tục lập yêu cầu dẫn độ đối với 18 đối tượng.

⁴⁴ Hiện có 592 phạm nhân là người nước ngoài thuộc 29 quốc tịch khác nhau (gồm cả người không quốc tịch) phạm tội chấp hành án hình sự tại các cơ sở giam giữ của Việt Nam. Về giới tính phạm nhân nam là chủ yếu (519 phạm nhân). Về tội danh, đa số phạm nhân đã bị kết án liên quan đến các tội về ma túy và kinh tế. Về quốc tịch, phạm nhân mang quốc tịch Trung Quốc (gồm cả Đài Loan, Hồng Kông) nhiều (193 phạm nhân), tiếp đến là phạm nhân quốc tịch Lào (189 phạm nhân), Ni-giê-ri-a (39 phạm nhân), Cam-pu-chia (22 phạm nhân), Hàn Quốc (14 phạm nhân), Ô-xtrây-li-a (13 phạm nhân), Hoa Kỳ (08 phạm nhân) và quốc tịch khác.

⁴⁵ Đã tiếp nhận, xử lý 84 hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù từ Việt Nam ra nước ngoài: (1) đã chuyển giao 20 phạm nhân cho phía nước ngoài (gồm: Lào (03), Anh (01), Hàn Quốc (02), Ô-xtrây-li-a (10), Bun-ga-ri (02). Các phạm nhân được chuyển giao bị kết án liên quan đến các tội về ma túy); (2) 09 phạm nhân đã chấp hành xong hình phạt tù; (3) 04 hồ sơ đang xem xét chuyển giao vì phạm nhân chưa bồi thường dân sự và nộp án phí; (4) 25 hồ sơ đã xử lý đang chờ phía nước ngoài phản hồi; (5) từ chối chuyển giao 08 hồ sơ; (6) 17 phạm nhân đã rút đơn xin chuyển giao; (7) 01 trường hợp phạm nhân đã tử vong.

⁴⁶ Chủ yếu là từ Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Nga; trong đó có đối tượng liên quan đến tổ chức khủng bố quốc tế, đối tượng truy nã của Việt Nam. Việt Nam đã tiếp nhận 04 phạm nhân đầu tiên từ Anh về để tiếp tục chấp hành án, các phạm nhân này đều bị Tòa án có thẩm quyền của Anh tuyên hình phạt tù chung thân về tội giết người. Quá trình chuyển giao không áp dụng các biện pháp chuyển đổi hình phạt; đến nay, chưa phạm nhân nào được áp dụng các hình thức giảm án, tha tù trước thời hạn.

4. Kết quả thực hiện công tác tương trợ tư pháp về hình sự

Trong giai đoạn từ 2013 đến 2023, VKSNDTC đã tiếp nhận và giải quyết nhiều yêu cầu TTTP về hình sự của các cơ quan tổ tụng trong nước gửi cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài⁴⁷. Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp cho thấy tình hình vi phạm pháp luật của người Việt ở nước ngoài diễn ra tương đối phức tạp, nổi lên một số loại tội phạm như: Tội phạm rửa tiền, về ma túy, sử dụng công nghệ cao, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trốn thuế, làm giả giấy tờ, tổ chức di cư bất hợp pháp. Yêu cầu tương trợ do cơ quan có thẩm quyền lập đề nghị nước ngoài thực hiện chủ yếu các nội dung về tổng đạt các loại giấy tờ, hồ sơ tài liệu; thu thập, cung cấp chứng cứ phục vụ công tác điều tra, giải quyết vụ án hình sự; trao đổi cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động lấy lời khai nhân chứng, đối tượng nghi vấn; xác minh địa chỉ, cung cấp bản gốc, bản sao có xác nhận của các loại tài liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động điều tra; triệu tập người làm chứng... Đa số các yêu cầu TTTP về hình sự đề nghị hỗ trợ thực hiện nhiều nội dung trong cùng một hồ sơ; có những vụ việc có nhiều yêu cầu bổ sung.

5. Kết quả công tác đề xuất ký kết, gia nhập và thực hiện các điều ước quốc tế liên quan

- Để tăng cường phối hợp trực tiếp với các quốc gia trong giải quyết vấn đề liên quan đến phòng, chống mua bán người, nhất là các nước có chung đường biên giới, đông người Việt Nam làm ăn, sinh sống, có nhiều trường hợp nghi là nạn nhân bị mua bán..., trước khi Luật Phòng, chống mua bán người được ban hành, Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tham mưu Chính phủ xây dựng, đàm phán, ký kết các Hiệp định song phương⁴⁸. Đối với quốc gia khác có đông nạn nhân và nghi là nạn nhân bị mua bán như Anh, Nga, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a... Bộ Công an đã chủ động tổ chức khảo sát tình hình người Việt Nam bị mua bán và thúc đẩy ký kết nhiều văn bản hợp tác.⁴⁹ Cùng đó, để thực hiện cam kết quốc tế của Nhà nước ta tại 03 ĐUQT đa phương (Công ước UNTOC; Công ước UNCAC; Công ước về chống buôn bán bất hợp

⁴⁷ Có 2.488 yêu cầu TTTP về hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng trong nước gửi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đề nghị thực hiện; 944 yêu cầu TTTP về hình sự của các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. Phạm vi yêu cầu tương trợ đa dạng như: Thu thập chứng cứ, lấy lời khai, xác minh lý lịch tư pháp; tổng đạt tài liệu, giấy tờ; chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự và các yêu cầu khác.

⁴⁸ 04 Hiệp định giữa Việt Nam và các nước: (1) Hiệp định giữa Việt Nam - Trung Quốc về tăng cường hợp tác phòng, chống buôn bán người (ký ngày 15/9/2010); (2) Hiệp định giữa Việt Nam - Cam-pu-chia về hợp tác song phương để loại trừ nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán (ký ngày 10/10/2005); (3) Hiệp định giữa Việt Nam - Lào về hợp tác phòng, chống buôn bán người và bảo vệ nạn nhân bị buôn bán (ký ngày 03/11/2010); (4) Hiệp định giữa Việt Nam - Thái Lan về hợp tác song phương nhằm loại trừ nạn buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán (ký ngày 24/3/2008).

⁴⁹ Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ Nhập cư và bảo vệ Biên giới Ôt-xtrây-li-a về ngăn chặn nạn đưa người di cư trái phép; Bản Ghi nhớ hợp tác về phòng, chống mua bán người giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ Anh; Tuyên bố chung giữa Việt Nam - Ma-lai-xi-a, trong đó, sớm thúc đẩy ký kết Hiệp định hợp tác giữa Việt Nam và Ma-lai-xi-a về phòng, chống mua bán người và bảo vệ nạn nhân;

pháp các chất ma túy, chất hướng thần năm 1988)⁵⁰, chủ trương của Đảng, Nhà nước, đáp ứng yêu cầu về chính trị, đối ngoại, hợp tác quốc tế, Bộ Công an đã chủ trì đề xuất ký kết 22 hiệp định song phương giữa Việt Nam và các nước trong lĩnh vực chuyển giao người bị kết án phạt tù. Cùng đó, Bộ Công an đang chủ trì chuẩn bị đàm phán hàng chục hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù với các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Quy định trong các điều ước song phương lĩnh vực này mà Việt Nam ký kết với các nước đều quy định cụ thể các vấn đề trong hoạt động chuyển giao người bị kết án.

- Đến nay, Việt Nam là thành viên của 22 ĐUQT đa phương, 12 hiệp định TTTP song phương có quy định về dẫn độ và 19 hiệp định song phương về dẫn độ. Bộ Công an đã và đang triển khai thực hiện có hiệu quả các ĐUQT về dẫn độ mà Việt Nam là thành viên, số lượng các yêu cầu dẫn độ trên cơ sở ĐUQT đã giải quyết thành công chiếm tỷ lệ cao trong tổng số yêu cầu dẫn độ đã tiếp nhận và gửi đi. Việc tăng cường ký kết và áp dụng các ĐUQT song phương về dẫn độ là yêu cầu tất yếu nhằm củng cố cơ sở pháp lý cho hoạt động này. Trên thực tế, các ĐUQT nói chung và các hiệp định về dẫn độ nói riêng có vai trò quan trọng trong giải quyết vấn đề không tương thích về pháp luật giữa các quốc gia, là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền của các nước căn cứ để triển khai thực hiện hợp tác trong hoạt động dẫn độ. Vì vậy, tăng cường ký kết và áp dụng các ĐUQT song phương về dẫn độ đã, đang và sẽ là yêu cầu tất yếu nhằm củng cố cơ sở pháp lý cho hoạt động này. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật trong nước liên quan đến công tác dẫn độ đáp ứng phù hợp với các ĐUQT về dẫn độ mà Việt Nam đã ký kết là thành viên.

- VKSNDTC đã phối hợp với Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao tiến hành đàm phán thành công 17 Hiệp định TTTP về hình sự với các nước⁵¹.

6. Về tham gia cơ chế đánh giá quốc gia của Liên hợp quốc trong công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

Từ năm 2012 (khi Việt Nam trở thành thành viên Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP) đến nay, Việt Nam đã tham gia 05 lần Hội nghị các quốc gia thành viên, tích cực tham gia vào xây dựng Cơ chế đánh giá và Bảng câu hỏi đánh giá. Đặc biệt, tháng 10/2022, là một trong những quốc gia được đánh giá là tích cực nhất trong hoạt động của Cơ chế đánh giá, đoàn công tác Việt Nam được Ban

⁵⁰ Đây là những Công ước có quy định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và chỉ quy định mang tính nguyên tắc, có tính khuyến nghị các nước thành viên tăng cường hợp tác về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù về các tội trong Công ước mà không có những quy định cụ thể để áp dụng trực tiếp.

⁵¹ In-đô-nê-xi-a, Ô-xtrây-li-a, Pháp, Hung-ga-ri, Tây Ban Nha, Cam-pu-chia, Ca-dắc-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, Cu Ba, Mô-dam-bích, Séc, Nhật Bản, I-ta-li-a, Lào, Ác-hen-ti-na, Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất, I-ran; trong đó, có 15 Hiệp định đã ký chính thức gồm: In-đô-nê-xi-a (2013), Ô-xtrây-li-a (2014), Tây Ban Nha (2015), Pháp (2016), Hung-ga-ri (2016), Cam-pu-chia (2016), Ca-dắc-xtan (2017), Cu Ba, Mô-dam-bích (2018), Lào (2019), Nhật Bản (2021), U-dơ-bê-ki-xtan (2022), Ác-hen-ti-na và Séc (2023).

Thư ký Công ước mời trình bày và chia sẻ kinh nghiệm về quá trình triển khai hoạt động của Việt Nam cùng với Đại sứ I-ta-li-a tại Liên hợp quốc, đại diện đến từ Nam Phi và Pa-ki-xtan. Đại biểu Việt Nam trao đổi về quá trình thành lập tổ chuyên gia, tổ chức hoạt động đánh giá có sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan liên quan; đồng thời sử dụng tối đa các phương tiện công nghệ để liên lạc và kết nối với các đối tác nước ngoài và Ban Thư ký Công ước để đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc.

Nhìn chung, các quốc gia tổ chức nhấn mạnh Công ước UNTOC là công cụ pháp lý quan trọng về đấu tranh, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; khẳng định cam kết tiếp tục thực thi hiệu quả Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; kêu gọi cộng đồng quốc tế nỗ lực hợp tác quốc tế lĩnh vực này, đối phó với thách thức an ninh phi truyền thống mới nổi và tham gia tích cực đánh giá thực thi Công ước. Các Nghị quyết hàng năm đều quan tâm thúc đẩy đấu tranh với các loại tội phạm cụ thể, đặc biệt là hình thức mới nổi như tội phạm mạng, tội phạm liên quan đến môi trường (về buôn bán trái phép động vật hoang dã, khai thác tài nguyên và rác thải phóng xạ độc hại trái phép) và rửa tiền, tham nhũng. Hướng tới kỷ niệm 25 năm Công ước UNTOC có hiệu lực, Đại hội đồng Liên hợp quốc tại kỳ họp ngày 21/03/2024 đã thống nhất ghi nhận ngày 15/11 hàng năm là ngày Quốc tế phòng ngừa và đấu tranh tất cả các loại hình tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Theo Quy tắc và thủ tục đánh giá, các quốc gia thành viên phải bốc thăm để quyết định thời gian tiến hành đánh giá và chốt cặp quốc gia thành viên đánh giá và được đánh giá. Theo kết quả bốc thăm ngày 14/12/2020, Việt Nam nằm trong nhóm quốc gia thứ 3 (quá trình đánh giá sẽ bắt đầu từ ngày 01/11/2022 bởi Ca-ta và Gi-nê xích đạo); Việt Nam cùng Xanh-lu-xi-a thực hiện đánh giá đối với Nê-pan (quá trình đánh giá bắt đầu từ ngày 01/11/2021) và Cô-lôm-bi-a (quá trình đánh giá bắt đầu từ ngày 01/11/2022). Tuy nhiên, trên thực tế, do đại dịch Covid-19 nên việc đánh giá Nê-pan bắt đầu từ tháng 4/2022, do sự thay đổi cơ quan đầu mối của Cô-lôm-bi-a nên việc đánh giá Cô-lôm-bi-a chưa được triển khai, ảnh hưởng tới Nhóm 3 có đánh giá Việt Nam. Trước tình hình đó, vào tháng 3/2024, Ban Thư ký Công ước đề xuất Nhóm 2 và Nhóm 3 sẽ được triển khai các hoạt động đánh giá từ tháng 4 hoặc tháng 5/2024.

- Thực hiện Nghị quyết 08/2 Hội nghị các quốc gia thành viên Công ước UNTOC, Ban Thư ký Công ước đã tổ chức cuộc họp lần thứ nhất thảo luận xây dựng Quy tắc và trình tự của Cơ chế đánh giá thực thi Công ước (sau đây gọi tắt là Quy chế). Với chức năng là cơ quan thường trực thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP, Bộ Công an đã tham mưu, phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan trong và ngoài Ngành, thành lập Tổ công tác liên ngành theo Quyết định số 3628/QĐ-BCA-V19 ngày 11/10/2017 để triển khai thực hiện nghiên cứu dự thảo Quy chế và Quy trình của Cơ chế đánh giá, dịch thuật. Công

tác đánh giá được thực hiện trên cơ sở thông tin tổng hợp từ các quốc gia thành viên hoàn thành Bộ câu hỏi khảo sát. Kết quả đánh giá được thể hiện dưới hình thức báo cáo quốc gia, dung lượng không quá 1.000 từ, đăng tải công khai bằng sáu ngôn ngữ của Liên hợp quốc. Ngày 16/10/2020, Hội nghị lần thứ 10 các quốc gia thành viên Công ước UNTOC thông qua Nghị quyết số 10/1 về triển khai quy trình đánh giá của Cơ chế đánh giá việc thực thi Công ước UNTOC và các Nghị định thư bổ sung, theo đó Việt Nam thực hiện đánh giá việc thực hiện Công ước UNTOC của Nê-pan và Cô-lôm-bi-a.

- Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 11892/VPCP-NC ngày 06/12/2018 của Văn phòng Chính phủ về kết quả tham dự Hội nghị lần thứ 9 các quốc gia thành viên Công ước UNTOC, ngày 19/4/2021, Bộ Công an ban hành Quyết định số 2602/QĐ-BCA-V03 thành lập Tổ chuyên gia tham gia đánh giá việc thực hiện Công ước UNTOC của Nê-pan và Cô-lôm-bi-a (Tổ chuyên gia đánh giá). Theo Quyết định, Tổ chuyên gia đánh giá của Việt Nam bao gồm 57 thành viên từ Vụ, Cục thuộc các Bộ, ban, ngành có liên quan do đồng chí Thượng tướng Lê Quý Vương, Thứ trưởng Bộ Công an làm Tổ trưởng. Trong quyết định cũng nêu rõ, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp Bộ Công an là cơ quan thường trực của Tổ chuyên gia đánh giá, có trách nhiệm điều phối các hoạt động trong quá trình tham gia đánh giá.

- Ngày 13/01/2022, Bộ Công an ban hành Quyết định số 265/QĐ-BCA-V03 về việc kiện toàn Tổ chuyên gia tham gia đánh giá việc thực hiện Công ước UNTOC của Việt Nam đánh giá việc thực hiện Công ước UNTOC của Nê-pan và Cô-lôm-bi-a, trong đó có sự thay đổi, cập nhật danh sách thành viên Tổ chuyên gia (do thay đổi công tác hoặc giữ chức vụ khác). Đồng chí Trung tướng Lê Quốc Hùng, Thứ trưởng Bộ Công an làm Tổ trưởng Tổ chuyên gia thay cho đồng chí Thượng tướng Lê Quý Vương đã nghỉ công tác.

- Ngày 15/4/2022, Bộ Công an ban hành Quyết định số 2626/QĐ-BCA-V03 ban hành Quy chế hoạt động Tổ chuyên gia đánh giá của Việt Nam đánh giá việc thực hiện Công ước UNTOC của Nê-pan và Cô-lôm-bi-a, trong đó xác định nguyên tắc và phương thức hoạt động của Tổ chuyên gia, bảo đảm sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin giữa các thành viên Tổ chuyên gia và cơ quan thường trực Tổ chuyên gia với các thành viên. Cùng đó, Bộ Công an ban hành Kế hoạch số 175/KH-BCA-V03 về việc đánh giá thực thi Công ước UNTOC của Nê-pan, xác định các công việc và thời hạn cụ thể thực hiện nhiệm vụ trong đánh giá Nê-pan, quá trình triển khai Tổ chuyên gia đã tổ chức cuộc họp. Đến nay, Việt Nam đã cơ bản hoàn thành nội dung quá trình đánh giá thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP của Nê-pan; là một trong các quốc gia tích cực, chủ động hoàn thành nhiệm vụ này. Bám sát các văn bản, kế hoạch hoạt động, thành viên Tổ chuyên gia đánh giá của Việt Nam, dưới sự điều phối của cơ quan thường trực Tổ chuyên gia đã chủ động, tích cực tham gia các hoạt

động đánh giá thực thi đối với Nê-pan góp phần thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của Việt Nam với tư cách là quốc gia thành viên Công ước UNTOC.

7. Đánh giá và kết quả triển khai thực hiện Nghị định thư TIP

- *Việc hồi hương nạn nhân của việc buôn bán người*: Trong những năm qua, Bộ Công an phối hợp với Bộ Ngoại giao chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của Bộ Công an Việt Nam ở nước ngoài, nhất là các nước có nhiều nạn nhân là người Việt Nam bị mua bán, phối hợp với cơ quan chức năng nước sở tại giải quyết vụ việc liên quan đến mua bán người, kịp thời nắm tình hình, phát hiện, xác minh, giải cứu và hồi hương nạn nhân bị mua bán, bảo hộ công dân, xác minh thông tin nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài. Từ năm 2012 đến tháng 02/2023 lực lượng chức năng đã giải cứu, tiếp nhận, xác minh khoảng 10.000 trường hợp trong đó, xác định 7.962 người là nạn nhân⁵². Theo báo cáo của Bộ Ngoại giao, từ năm 2012 đến 30/3/2023, Bộ Ngoại giao đã tiếp nhận thông tin⁵³ và của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an đã tăng cường hợp tác trao đổi thông tin, giải quyết vụ việc mua bán người, phối hợp truy bắt đối tượng phạm tội, giải cứu, xác minh và tiếp nhận nạn nhân bị mua bán, đặc biệt là hợp tác với các tỉnh đối đẳng của các nước có chung đường biên giới như Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia; phối hợp giữa các quốc gia thành viên ASEAN trong điều tra, truy tố, dẫn độ tội phạm mua bán người hoặc các hành vi phạm tội liên quan đến mua bán người; tiếp nhận, xác minh thông tin liên quan.⁵⁴

- *Về bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân của việc buôn bán người*: Luật Phòng, chống mua bán người, Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2012 của Chính phủ quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn

⁵² Báo cáo số 949/BC-BCA ngày 27/6/2023 của Bộ Công an tổng kết thi hành Luật Phòng, chống mua bán người (tình hình nạn nhân chủ yếu là phụ nữ, trẻ em (chiếm khoảng 90%), đa số thuộc các dân tộc ít người (chiếm trên 80%), tập trung ở vùng nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (chiếm hơn 80%), làm ruộng hoặc không có việc làm (chiếm hơn 70%), gặp éo le về gia đình, tình cảm, trình độ học vấn thấp (không biết chữ chiếm trên 35%), thiếu hiểu biết về xã hội và kỹ năng sống, tâm lý nhẹ dạ cả tin; hoặc một số cô gái trẻ, học sinh, sinh viên (chiếm khoảng 6%) thích hưởng thụ, ăn chơi, đua đòi, thiếu cảnh giác dễ tin theo lời hứa hẹn của đối tượng về việc làm ổn định, thu nhập cao hoặc lấy chồng nước ngoài khá giả, dẫn đến bị lừa bán. Nạn nhân bị bán ra nước ngoài chiếm trên 90%, trong đó chủ yếu sang Trung Quốc. Đa số nạn nhân là phụ nữ khi bị lừa bán ra nước ngoài bị cưỡng ép kết hôn làm vợ người dân bản địa và bóc lột tình dục (chiếm gần 80%), cưỡng bức lao động... Hình thức trở về: Tự trở về chiếm hơn 48%, qua giải cứu hoặc trao trả song phương chiếm gần 52%. Nạn nhân trở về lần đầu chiếm gần 90%).

⁵³ Báo cáo số 949/BC-BCA ngày 27/6/2023 của Bộ Công an tổng kết thi hành Luật Phòng, chống mua bán người (Từ năm 2012 - 2023, Bộ Ngoại giao đã tiếp nhận thông tin 2.066 trường hợp nghi là nạn nhân, trong đó 1.914 người được giải cứu, xác định là nạn nhân, nạn nhân chủ yếu là phụ nữ, độ tuổi từ 18-30, cư trú tại một số tỉnh Tây Nam Bộ, miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ An), biên giới phía Bắc (Lạng Sơn, Lào Cai, Hà Giang...). Trong năm 2022, nạn nhân là nam giới có xu hướng tăng, bị mua bán nhằm mục đích bóc lột lao động).

⁵⁴ Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an, từ ngày 18/4/2013 đến ngày 18/4/2023, đã xác minh và đồng ý nhận trở về 326 trường hợp là nạn nhân bị mua bán; đồng ý tiếp nhận 131 trường hợp; không đồng ý nhận 12 trường hợp do đương sự cung cấp địa chỉ không chính xác nên không có cơ sở để xác minh. Đa số nạn nhân là nữ, 303 trường hợp và từ Trung Quốc là 233 trường hợp.

nhân, người thân thích của họ, Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Phòng, chống mua bán người và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật này, nạn nhân khi được giải cứu, tiếp nhận, xác minh đều được các lực lượng chức năng hỗ trợ ban đầu và tiến hành các biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật. Qua công tác hỗ trợ ban đầu và áp dụng các biện pháp bảo vệ nạn nhân đã tạo tâm lý yên tâm cho nạn nhân đặc biệt là các phụ nữ bị mua bán đang bị sang chấn tâm lý nặng nề, giúp nạn nhân yên tâm, tin tưởng vào cơ quan chức năng và phối hợp, hỗ trợ trong công tác đấu tranh chống tội phạm mua bán người.

Từ năm 2012 đến ngày 15/02/2023, có 7.962 nạn nhân được hỗ trợ theo quy định⁵⁵. 100% nạn nhân bị mua bán, sau khi được tiếp nhận được lực lượng chức năng (Công an, Bộ đội Biên phòng, Chính quyền địa phương) phối hợp bảo vệ, tổ chức bàn giao về địa phương nơi công dân cư trú, cung cấp thông tin và thực hiện dịch vụ hỗ trợ để nạn nhân nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng. Hiện nay, tại các địa phương 100% trường hợp nạn nhân trở về chính thức, tự trở về hoặc được giải cứu đều nhận được sự hỗ trợ phù hợp. Nội dung hỗ trợ chủ yếu là cung cấp nơi ăn, nghỉ tạm thời, tư vấn tâm lý xã hội, các trường hợp ốm đau, sức khỏe yếu được hỗ trợ chữa trị ban đầu; trợ cấp tiền tàu xe, tiền ăn khi trở về nơi cư trú. Bên cạnh đó, được hỗ trợ pháp lý như làm thủ tục về hộ khẩu, cấp chứng minh nhân dân, giấy khai sinh, tư vấn, tham gia tố tụng. Theo thống kê, trong cả nước từ năm 2012 đến 15/02/2023, các tổ chức pháp lý đã trợ giúp cho 365 lượt người là nạn nhân của hành vi mua bán người⁵⁶.

Bên cạnh việc hỗ trợ nêu trên, hiện nay nạn nhân còn được hỗ trợ thông qua các hình thức sau: (1) tại Trung tâm, Nhà tạm lánh dành cho nạn nhân. Hình thức này được thực hiện thông qua dự án tại Lào Cai, An Giang, các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ. Các trường hợp nạn nhân bị mua bán trở về được cung cấp nơi ăn, nghỉ, tư vấn tâm lý xã hội và được tiếp cận với các dịch vụ ngoài Trung tâm để học văn hóa, học nghề hoặc khám chữa bệnh theo nhu cầu và khả năng của đối tượng; (2) thông qua các hoạt động lồng ghép, phòng ngừa và tái hòa nhập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn như: Tổ chức các lớp dạy nghề cho phụ nữ, trẻ em thuộc diện hộ nghèo, hỗ trợ tạo việc làm để có mức thu nhập ổn định; hỗ trợ vay tín dụng, cấp phát học phí, học bổng gắn với các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về phòng, chống mua bán người;

⁵⁵ Báo cáo số 949/BC-BCA ngày 27/6/2023 của Bộ Công an tổng kết thi hành Luật Phòng, chống mua bán người (Số lượng nạn nhân bị mua bán được tiếp nhận, hỗ trợ ban đầu tập trung đông tại một số tỉnh: Lào Cai, Hà Giang, Quảng Ninh, Nghệ An, Lạng Sơn, Lai Châu, Sơn La, Nam Định, Thừa Thiên Huế, Hậu Giang, Vĩnh Phúc, An Giang, Kiên Giang.v.v...).

⁵⁶ Báo cáo số 949/BC-BCA ngày 27/6/2023 của Bộ Công an tổng kết thi hành Luật Phòng, chống mua bán người (Trong đó, tư vấn: 225 lượt người, tham gia tố tụng: 139 lượt người, đại diện ngoài tố tụng: 01 lượt người; riêng từ năm 2018 đến nay, đã có 41 lượt người là nạn nhân có khó khăn về tài chính được các trung tâm pháp lý trợ giúp pháp lý trợ giúp miễn phí. Các nạn nhân còn được hỗ trợ học nghề, hỗ trợ việc làm, học văn hóa và bảo vệ nạn nhân tố giác tội phạm).

(3) thông qua các mô hình do các dự án quốc tế hỗ trợ về kinh phí và kỹ thuật⁵⁷. Các mô hình này đã được đánh giá cao về tính hiệu quả và thực tiễn, bước đầu đã giúp đỡ được những nạn nhân có hoàn cảnh khó khăn, thông qua việc sử dụng đồng vốn sinh kế hiệu quả, đem lại thu nhập ổn định cuộc sống, được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ hòa nhập cộng đồng bền vững.

- Kể từ khi thành lập năm 2007 đến nay, Ngôi nhà bình yên đã tiếp nhận và hỗ trợ 1.704 nạn nhân, trong đó có 454 nạn nhân mua bán người.⁵⁸

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC THI CÔNG ƯỚC UNTOC VÀ NGHỊ ĐỊNH THƯ TIP

1. Về quy định của pháp luật trong nước liên quan đến Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

- Một số quy định về phòng, chống mua bán người của Việt Nam chưa hoàn toàn tương thích với Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP như: về xác định độ tuổi được coi là trẻ em theo quy định pháp luật Việt Nam (Luật Trẻ em năm 2016) quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi nhưng theo chuẩn mực quốc tế, Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP quy định trẻ em có nghĩa là bất cứ người nào dưới 18 tuổi; khái niệm về hành vi “mua bán người” tại Điều 150 (Tội mua bán người), Điều 151 (Tội mua bán người dưới 16 tuổi) của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) còn có khác biệt so với với khái niệm về “mua bán người” theo Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP. Cụ thể là: Quy định rõ tội phạm mua bán người và mua bán người dưới 16 tuổi với ba dấu hiệu: hành vi, thủ đoạn và mục đích; tội mua bán người dưới 16 tuổi gồm hai dấu hiệu là hành vi và mục đích.

- Vướng mắc trong xác định thẩm quyền điều tra vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài (bao gồm cả các vụ án xuyên quốc gia) theo khoản 5 Điều 163 và khoản 1, 2 Điều 268 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Việc thu thập thông tin, tài liệu làm chứng cứ trong các vụ án xuyên quốc gia gặp không ít khó khăn do hạn chế về cơ sở pháp lý. Điểm e, khoản 1 Điều 87 (nguồn chứng cứ) BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định chứng cứ được thu

⁵⁷ Báo cáo số 949/BC-BCA ngày 27/6/2023 của Bộ Công an tổng kết thi hành Luật Phòng, chống mua bán người (Mô hình “Nhóm tự lực” được thực hiện tại các tỉnh Thanh Hóa, Bắc Giang, Tây Ninh, Thừa Thiên - Huế, Quảng Bình; mô hình “kết hợp hỗ trợ nạn nhân bị mua bán với phòng, chống mại dâm, phòng ngừa lây nhiễm HIV/AIDS” tại Thành phố Hải Phòng và mô hình “Phòng ngừa phụ nữ có nguy cơ dẫn đến hoạt động mại dâm và dự phòng lây nhiễm HIV” tại Thành phố Đà Nẵng).

⁵⁸ 100% phụ nữ, trẻ em được bảo đảm tạm lánh trong môi trường an toàn, thân thiện, chăm sóc sức khỏe cơ bản (83% người tạm trú được hỗ trợ khám và điều trị sức khỏe tâm thần tại Bệnh viện), được tham vấn tâm lý ban đầu; cung cấp về pháp luật và cung cấp dịch vụ tư vấn luật sư miễn phí, học kỹ năng mềm phục vụ cuộc sống và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng, được tư vấn nghề nghiệp (78% người tạm trú được kết nối với các cơ sở dạy nghề phù hợp với khả năng và nhu cầu cá nhân), 95% người tạm trú hỗ trợ làm giấy tờ tùy thân, xác minh nhân thân; 95% người tạm trú được hỗ trợ chi phí trở về địa phương. Tất cả nạn nhân sau khi rời Ngôi nhà bình yên đều được theo dõi hỗ trợ hồi gia theo quy trình từ 18-24 tháng bởi nhân viên xã hội và người theo dõi hồi gia tại gia đình, địa phương hoặc nơi làm việc.

thập, xác định từ nguồn “*kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác*”. Trong khi đó, điểm a khoản 1 Điều 148 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) chỉ quy định căn cứ để tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi thuộc trường hợp “*đã trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài trong tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quả*” như vậy, có sự chưa thống nhất như đã nêu.

Với các hành vi “*tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp*” người thì phải chứng minh được mục đích “*kép*” là “*để chuyển giao*” và “*nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác*”. Mà hầu hết hành vi “*chuyển giao*” được thực hiện ở nước ngoài nên mặc dù các đối tượng có hành vi “*tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp*” người trong nước nhưng không xử lý được về tội mua bán người. Bên cạnh đó, quá trình điều tra các vụ án mua bán người thường thực hiện là truy xét, rất ít trường hợp bị bắt quả tang. Do vậy, đối với các vụ án không thuộc trường hợp phạm tội quả tang, chỉ khi người bị hại trốn từ nước ngoài về và có đơn tố cáo thì đối tượng phạm tội mới bị phát hiện.

- Công tác truy nã quốc tế hiện gặp khó khăn, hạn chế do một số quy định của pháp luật trong nước. Điều 502, 503, 504 và 505 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định các biện pháp ngăn chặn đối với các trường hợp dẫn độ nhưng chưa có quy định, chưa có văn bản hướng dẫn việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, tạm giữ, tạm giam đối với các đối tượng bị truy nã theo lệnh truy nã của nước ngoài (bao gồm cả các đối tượng có Lệnh truy nã quốc tế của INTERPOL và truy nã qua kênh hợp tác song phương). Đối với các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tổ chức đưa người xuất, nhập cảnh trái phép, mua bán người, việc ủy thác tư pháp chủ yếu dựa trên nguyên tắc có đi có lại mà không có thời hạn cụ thể nên việc trả lời phía bạn thường kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ, thời hạn xác minh, điều tra vụ án.

- Luật TTTP chưa có quy định cụ thể về: Trình tự, thủ tục cam kết không áp dụng hình phạt tử hình trong hoạt động TTTP về hình sự; TTTP phong tỏa, kê biên, thu giữ, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội; về trình tự, thủ tục thực hiện một số yêu cầu tương trợ: triệu tập người làm chứng, người giám định, dẫn giải người chấp hành án phạt tù ra nước ngoài để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự công dân Việt Nam tại Việt Nam; thời hạn thực hiện yêu cầu TTTP về hình sự; dẫn độ đơn giản; bắt khẩn cấp để dẫn độ đã ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết yêu cầu dẫn độ; dẫn độ có điều kiện; yêu cầu nước ngoài thực hiện các cam kết theo yêu cầu của phía Việt Nam trong trường hợp Việt Nam dẫn độ người phạm tội cho phía nước ngoài... Quy trình, thủ tục, hồ sơ, thời gian thực hiện yêu cầu dẫn độ trong Luật TTTP chưa thật sự hoàn thiện như: Áp dụng các biện pháp ngăn chặn để dẫn độ; chưa giải quyết được trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người mà yêu cầu dẫn độ sau

được gửi đến khi Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã thụ lý yêu cầu dẫn độ trước hay trường hợp quá cảnh người bị dẫn độ...

- Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 thông qua đã hơn mười năm nên một số quy định không còn phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật (quy định của các luật ban hành sau như: BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Một số quy định cụ thể của Luật Phòng, chống mua bán người chưa tương thích với các ĐUQT mà Việt Nam là một bên ký kết liên quan đến mua bán người. Hành vi “mua bán người” theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 3 của Nghị định thư TIP còn khác biệt dẫn đến xác định tiêu chí nạn nhân trong các vụ án chưa hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống mua bán người hiện hành.

- Chế độ hỗ trợ nạn nhân chưa phù hợp với thực tiễn: Hiện nay chưa có văn bản pháp luật quy định chế độ hỗ trợ về vật chất như nơi ăn, ở và chi phí đi lại khi các Đoàn Biên phòng tiếp nhận nạn nhân bị mua bán trở về. Mới chỉ quy định nạn nhân được hỗ trợ tâm lý trong thời gian cư trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, trong khi nhiều nạn nhân trở về với những sang chấn tâm lý, hoang loạn, lo lắng bị trả thù sau khi cung cấp lời khai cho cơ quan chức năng hoặc khi trở về địa phương bị kỳ thị, xa lánh cũng rất cần được hỗ trợ tâm lý; chỉ có nạn nhân thuộc hộ nghèo mới được xem xét hỗ trợ văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu; mức chi hỗ trợ khó khăn ban đầu còn thấp, chưa đảm bảo cuộc sống khi về địa phương hòa nhập cộng đồng. Công tác dạy nghề, tạo việc làm giúp nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng chưa thật sự bền vững, nhu cầu học nghề của nạn nhân rất đa dạng nhưng hầu hết các địa phương chỉ đào tạo những nghề truyền thống như may dân dụng, may công nghiệp, cắt uốn tóc và làm móng với mức thu nhập thấp, nạn nhân chưa thật sự ổn định cuộc sống tại cộng đồng⁵⁹. Bên cạnh đó, một số quy định pháp luật không còn phù hợp dẫn đến khó khăn trong thực hiện (như: chưa có quy định về chi phí phiên dịch cho nạn nhân là người nước ngoài, nạn nhân là người dân tộc thiểu số trong quá trình tiếp nhận nạn nhân lấy lời khai hoặc trong hỗ trợ nạn nhân lưu trú tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở bảo trợ xã hội).

2. Khó khăn trong công tác dẫn độ

2.1. Về cơ sở pháp lý hợp tác quốc tế về dẫn độ trong Luật Tương trợ tư pháp chưa phù hợp với tình hình mới của Việt Nam và quốc tế

Một là, Luật TTTP chưa quy định cụ thể trường hợp tội phạm được yêu cầu dẫn độ được xác định là tội phạm chính trị, tội phạm quân sự, căn cứ để xác

⁵⁹ Báo cáo số 537/BC-BCA-V01 ngày 17/4/2023 của Bộ Công an việc chấp hành pháp luật về phòng, chống mua bán người

định tội phạm chính trị, tội phạm quân sự. Do vậy, trong trường hợp nhận được yêu cầu dẫn độ liên quan đến tội phạm này, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ gặp lúng túng. Trường hợp có thể từ chối dẫn độ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật TTTP (hành vi mà người bị yêu cầu dẫn độ không phải là tội phạm theo quy định của BLHS Việt Nam) trên thực tế phải là trường hợp bắt buộc từ chối dẫn độ. Về nguyên tắc, một người chỉ có thể bị dẫn độ nếu hành vi phạm tội mà người đó bị cáo buộc thực hiện cấu thành tội phạm theo pháp luật của Việt Nam và quốc gia yêu cầu (nguyên tắc tội phạm kép). Bên cạnh đó, Luật TTTP cũng không quy định cụ thể cơ quan tiến hành tố tụng nào có thẩm quyền từ chối dẫn độ. Hiện nay, theo quy định của Luật, chỉ có Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền (Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi người bị yêu cầu dẫn độ đang cư trú, đang bị tạm giam, tạm giữ hoặc chấp hành hình phạt tù) được quyền ra quyết định từ chối dẫn độ. Việc này dẫn đến trường hợp khi Bộ Công an tiếp nhận và kiểm tra yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, mặc dù biết rõ yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp bắt buộc từ chối dẫn độ theo quy định của ĐUQT hoặc pháp luật Việt Nam nhưng vẫn phải làm các thủ tục chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân cấp tỉnh để giải quyết theo trình tự, gây lãng phí không cần thiết cả về nhân lực, thời gian, kinh phí cho các cơ quan liên quan.

Hai là, Luật TTTP chưa đề cập đến vấn đề mở rộng phạm vi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị dẫn độ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, phát hiện thêm các tội phạm mà người bị dẫn độ đã thực hiện trên lãnh thổ quốc gia yêu cầu trước khi bỏ trốn sang quốc gia được yêu cầu. Tuy nhiên, trong yêu cầu dẫn độ, các quốc gia luôn phải cam kết chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự người bị dẫn độ về các tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ. Cùng đó, chưa quy định về dẫn độ đơn giản mà thủ tục này đã được quy định trong một số hiệp định về dẫn độ, theo đó, trong trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đồng ý với việc dẫn độ thì việc dẫn độ có thể được tiến hành kể cả khi các điều kiện về thủ tục chưa hoàn tất (Điều 6 Hiệp định mẫu về dẫn độ năm 1990 của Liên hợp quốc quy định về dẫn độ đơn giản).

Ba là, Luật TTTP chưa có quy định về bắt khẩn cấp để dẫn độ và chưa quy định về đưa ra cam kết không thi hành hình phạt tử hình: Pháp luật Việt Nam hiện nay có quy định hình phạt tử hình và không hạn chế việc dẫn độ đối với người có thể sẽ bị kết án tử hình. Tuy nhiên, một số hiệp định về dẫn độ giữa Việt Nam và các nước có quy định chỉ xem xét yêu cầu dẫn độ nếu Việt Nam cam kết không áp dụng án tử hình hoặc tuyên tử hình nhưng sẽ không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ (Điều 70 Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa Việt Nam và Bê-la-rút; Điều 1 Nghị định thư bổ sung Hiệp định giữa Việt Nam và Liên bang Nga về TTTP và pháp lý về dân sự và hình sự...). Theo đó, nếu không có cam kết về vấn đề này, việc dẫn độ sẽ bị từ chối. Một số quốc gia, đặc biệt là ở châu

Âu không quy định hình phạt tử hình, do đó khi tiến hành xử lý các yêu cầu dẫn độ, các quốc gia này đều đề nghị Việt Nam cam kết không tuyên phạt tử hình hoặc tuyên phạt nhưng không thi hành đối với người phạm tội. Tuy nhiên, vấn đề cam kết không áp dụng án tử hình trong thực hiện TTTP về hình sự là một vấn đề rất lớn, phức tạp, chưa được quy định trong Luật TTTP. Do đó, việc đưa ra cam kết này cần phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 40 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm e khoản 1 Điều 367 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Bốn là, Luật TTTP chưa quy định về dẫn độ có điều kiện, đối với công tác dẫn độ, ngoài một số điều kiện dẫn độ mang tính nguyên tắc như hiện nay (bảo đảm nguyên tắc tội phạm kép, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thời hiệu thi hành bản án chưa hết, không phải là công dân Việt Nam) thì mỗi nước lại có các điều kiện dẫn độ khác nhau, do đó, khi gửi văn bản yêu cầu dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phải đưa ra các cam kết thực hiện khác nhau. Ngoài ra, Luật chưa có quy định về bắt khẩn cấp để dẫn độ đã ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết yêu cầu dẫn độ. Thời gian qua, lực lượng Công an nhân dân đã tiến hành bắt giữ một số đối tượng người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước ngoài rồi lần trốn vào Việt Nam theo yêu cầu của phía nước ngoài hoặc khi phát hiện đối tượng bị truy nã quốc tế. Các hoạt động này thể hiện thiện chí hợp tác quốc tế, quyết tâm của Việt Nam trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và được cộng đồng quốc tế đánh giá rất cao. Tuy nhiên, quá trình thực hiện, xảy ra tình trạng nhiều Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và cả một số Vụ của VKSNDTC chỉ phê chuẩn quyết định bắt, tạm giữ mà không phê chuẩn quyết định tạm giam, có trường hợp không phê chuẩn cả quyết định bắt. Lý do các đơn vị này đưa ra là do BLTTHS không quy định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với các trường hợp này. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật ĐUQT năm 2016, trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và ĐUQT mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của ĐUQT đó, trừ Hiến pháp. Do vậy, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với các đối tượng phạm tội ở nước ngoài rồi lần trốn vào Việt Nam (đặc biệt là từ các quốc gia có hiệp định về dẫn độ với Việt Nam nêu trên) cần căn cứ theo quy định của các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên. Việc này vừa là nghĩa vụ của Việt Nam theo pháp luật quốc tế, vừa khẳng định thiện chí hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm của Việt Nam. Nếu không thực hiện đúng quy định của các hiệp định, sẽ có thể dẫn đến tranh chấp không đáng có giữa Việt Nam và các quốc gia, đồng thời, khi Việt Nam có yêu cầu tương tự sẽ không được các nước đáp ứng, dẫn đến nguy cơ bỏ lọt tội phạm.

2.2. Về quy trình, thủ tục, hồ sơ, thời gian thực hiện yêu cầu dẫn độ trong Luật Tương trợ tư pháp chưa hoàn thiện, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động dẫn độ

Một là, quy trình, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn để dẫn độ không còn phù hợp, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác dẫn độ. Điều 41 Luật TTTP quy định các biện pháp ngăn chặn để dẫn độ theo hướng khi nhận được yêu cầu chính thức của nước ngoài về dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật Việt Nam và ĐUQT mà Việt Nam là thành viên để bảo đảm việc xem xét yêu cầu dẫn độ. Tuy nhiên, các biện pháp ngăn chặn trong hoạt động dẫn độ được quy định tại Điều 502 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) gồm: bắt, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền để bảo đảm, tạm hoãn xuất cảnh chỉ được áp dụng sau khi Tòa án đã có quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ đối với người bị yêu cầu và có căn cứ cho rằng người bị yêu cầu dẫn độ bỏ trốn hoặc gây khó khăn, cản trở việc xem xét yêu cầu dẫn độ. Theo quy định tại Luật TTTP, thời gian kể từ ngày Bộ Công an nhận được yêu cầu dẫn độ đến khi Tòa án có thẩm quyền ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ có thể lên đến 05 tháng (gồm: Bộ Công an kiểm tra hồ sơ và chuyển cho Tòa án trong 20 ngày, Tòa án thụ lý trong 10 ngày, Tòa án chuẩn bị xem xét yêu cầu trong 04 tháng) hoặc thậm chí 07 tháng (trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và phải yêu cầu bổ sung). Do vậy, nếu tiếp tục giữ nguyên quy định về áp dụng biện pháp ngăn chặn như tại BLTTHS hiện nay sẽ dẫn đến trường hợp các đối tượng bị yêu cầu dẫn độ có đủ thời gian để lẫn trốn sang nước khác. Trường hợp đối tượng chưa bỏ trốn sang quốc gia khác thì việc xác định địa phương nơi đối tượng đang có mặt để gửi yêu cầu dẫn độ đến TAND cấp tỉnh có thẩm quyền xem xét, ra quyết định cũng gặp nhiều khó khăn, chưa kể đến trường hợp sau khi chuyển hồ sơ đến TAND tỉnh này thì đối tượng lại di chuyển đến địa bàn của tỉnh khác.

Hai là, pháp luật hiện hành chưa giải quyết trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người mà yêu cầu dẫn độ sau được gửi đến khi TAND có thẩm quyền đã thụ lý yêu cầu dẫn độ trước. Điều 39 Luật TTTP quy định, trường hợp Bộ Công an nhận được văn bản của hai hoặc nhiều nước yêu cầu dẫn độ một người về cùng một tội phạm hoặc nhiều tội phạm khác nhau thì Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, VKSNDTC, TANDTC xem xét, quyết định đáp ứng yêu cầu dẫn độ cho một trong các nước yêu cầu và chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho TAND cấp tỉnh xem xét, quyết định dẫn độ. Tuy nhiên, trên thực tế, yêu cầu dẫn độ của các nước khác nhau thường không được gửi đến Bộ Công an cùng một thời điểm. Theo quy định, Bộ Công an kiểm tra hồ sơ trong thời hạn 20 ngày, khả năng xảy ra trường hợp yêu cầu dẫn độ thứ hai được gửi đến Bộ Công an sau khi yêu cầu dẫn độ thứ nhất đã được chuyển đến TAND cấp tỉnh có thẩm quyền thụ lý, giải quyết là rất cao.

Trong trường hợp này, Bộ Công an vẫn phải tiếp nhận và xử lý yêu cầu dẫn độ thứ hai và để bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của Luật, TAND cấp tỉnh đã thụ lý yêu cầu dẫn độ thứ nhất buộc phải trả lại hồ sơ cho Bộ Công an để xem xét, quyết định. Tuy nhiên, Luật chưa có quy định việc TAND trả lại hồ sơ yêu cầu dẫn độ sau khi đã thụ lý, việc này gây mất thời gian và lãng phí, đặc biệt đối với trường hợp có nhiều hơn hai nước cùng yêu cầu dẫn độ với một người vì khi đó các hồ sơ sẽ liên tục được gửi đi gửi lại giữa Bộ Công an và TAND.

Ba là, mặc dù đã có quy định về quá cảnh nhưng pháp luật hiện hành chưa quy định về quy trình, thủ tục quá cảnh người bị dẫn độ. Trong ĐUQT về dẫn độ, các nước thường quy định một điều khoản liên quan đến việc quá cảnh người bị dẫn độ từ một nước thứ ba. Điều 47 Luật TTTP quy định khái quát về quá cảnh người bị yêu cầu dẫn độ trên lãnh thổ Việt Nam thì phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chấp nhận nhưng chưa quy định rõ cơ quan nào là cơ quan có thẩm quyền cho phép quá cảnh. Thực tiễn cho thấy người bị dẫn độ thường là đối tượng nguy hiểm cho xã hội, do đó, khi thực hiện quá cảnh trên lãnh thổ Việt Nam cần được áp giải, bảo vệ phòng ngừa nghiêm ngặt, nhất là tại sân bay nơi có nhiều hành khách. Vì vậy, để giải quyết vấn đề này, cần thiết phải quy định cơ quan có thẩm quyền và trình tự, thủ tục cho phép quá cảnh; đồng thời quy định rõ Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam bố trí buồng tạm giữ tạm thời tại các cửa khẩu quốc tế để tạm giữ người bị yêu cầu dẫn độ quá cảnh Việt Nam. Cùng đó, cần bổ sung quy định khi Việt Nam dẫn độ đối tượng từ nước ngoài về và cần phải xin quá cảnh ở sân bay nước ngoài.

Bốn là, quy định về dịch thuật và hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự các tài liệu dịch thuật theo quy định hiện hành làm chậm quá trình xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ. Tại Điều 5 Luật TTTP quy định về ngôn ngữ TTTP thì hồ sơ yêu cầu dẫn độ phải được dịch sang ngôn ngữ quy định trong ĐUQT (trường hợp hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có ĐUQT về dẫn độ), ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu chấp nhận (trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có ĐUQT về dẫn độ), cơ quan lập hồ sơ yêu cầu nước ngoài dẫn độ phải dịch hồ sơ ra ngôn ngữ đó. Thực tiễn đã nảy sinh một số vướng mắc, ảnh hưởng đến quá trình xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ: (1) Luật chỉ quy định cơ quan lập hồ sơ yêu cầu nước ngoài dẫn độ phải dịch hồ sơ, không có quy định đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ từ nước ngoài đến. Cùng đó, không quy định cụ thể về ngôn ngữ mà Việt Nam chấp nhận nên nhiều yêu cầu, đặc biệt là các yêu cầu theo nguyên tắc có đi có lại chỉ có ngôn ngữ gốc của nước yêu cầu. Để phục vụ việc kiểm tra hồ sơ và giải quyết hồ sơ sau này (do các cán bộ của TAND cấp tỉnh - cơ quan có thẩm quyền xem xét yêu cầu - thường không sử dụng thành thạo ngoại ngữ), Bộ Công an (Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp) phải dịch hồ sơ sang tiếng Việt. Các hồ sơ yêu cầu dẫn độ thường gồm hàng trăm trang tài liệu pháp lý, việc dịch thuật mất rất

nhiều thời gian. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 38 Luật TTTP, Bộ Công an chỉ có thời hạn 20 ngày để kiểm tra hồ sơ kể từ ngày nhận được yêu cầu dẫn độ; (2) Luật không quy định hồ sơ yêu cầu dẫn độ gửi đi được miễn chứng thực lãnh sự, hồ sơ yêu cầu dẫn độ gửi đến được miễn hợp pháp hóa lãnh sự nên một số TAND cấp tỉnh khi nhận được hồ sơ kèm bản dịch của Bộ Công an thường yêu cầu bản dịch phải được chứng thực mặc dù Bộ Công an không có chức năng này và việc gửi bản dịch thực chất là để giúp TAND thuận lợi hơn trong quá trình giải quyết yêu cầu. Do đó, quy định hiện hành về dịch thuật và hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự hoặc chứng thực bản dịch chưa phù hợp, làm giảm tốc độ, chất lượng giải quyết yêu cầu dẫn độ.

2.3. Về hiệu quả quản lý Nhà nước và phối hợp liên ngành trong thực hiện dẫn độ còn bất cập, ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết yêu cầu dẫn độ

Một là, Cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động dẫn độ được giao cho Bộ Tư pháp, điều này chưa thật sự hợp lý và bất cập với thực tiễn do Bộ Công an là cơ quan quản lý công tác phòng, chống tội phạm và là Cơ quan trung ương của nước CHXHCN Việt Nam về dẫn độ (Điều 65 Luật TTTP năm 2007; khoản 2 Điều 493 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); khoản 20 Điều 16 Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023) và trong các Hiệp định riêng về dẫn độ mà Việt Nam đã ký với các quốc gia). Việc giao Bộ Tư pháp thực hiện công tác nêu trên làm cho công tác quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành gặp bất cập, hạn chế và Bộ Tư pháp khó phát huy vai trò cơ quan quản lý nhà nước trong dẫn độ. Việc thực hiện hợp tác quốc tế trong dẫn độ chủ yếu trên cơ sở các ĐUQT về dẫn độ mà theo quy định của Luật ĐUQT năm 2016 thì từng bộ, ngành chủ trì có trách nhiệm đối với việc tổ chức thực hiện các điều ước do mình chủ trì ký kết;

Hai là, quy định Cơ quan đầu mối chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong hoạt động dẫn độ với nước hữu quan được giao cho Bộ Ngoại giao là chưa thật sự phù hợp. Bởi vì, chỉ Bộ Công an (Cơ quan trung ương của nước CHXHCN Việt Nam) về dẫn độ có thể nắm được các nội dung hợp tác về dẫn độ giữa Việt Nam và quốc gia yêu cầu vì đây là cơ quan theo dõi, lưu trữ toàn bộ hồ sơ về công tác này. Kể cả trong trường hợp quốc gia yêu cầu đã từng từ chối yêu cầu dẫn độ của Việt Nam thì vẫn phải xem xét đến lý do từ chối, thiện chí hợp tác của các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong quá trình xử lý yêu cầu trước đó của Việt Nam... Khi Việt Nam là quốc gia yêu cầu, cam kết việc các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ giải quyết yêu cầu dẫn độ tương tự của quốc gia được yêu cầu. Việc yêu cầu Bộ Ngoại giao chủ trì quyết định cam kết là không phù hợp vì trên thực tế Bộ Ngoại giao không tham gia sâu vào quá trình giải quyết các yêu cầu dẫn độ. Luật TTTP chưa quy định rõ trình tự, thủ tục áp dụng

nguyên tắc có đi có lại trong hợp tác dẫn độ với các nước. Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong hợp tác dẫn độ chưa hiệu quả như mong muốn.

Ba là, pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Trung ương. Trong hiệp định về dẫn độ Việt Nam đã ký kết, là thành viên, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023) đều quy định Bộ Công an là Cơ quan trung ương về dẫn độ của Việt Nam. Tuy nhiên, với tư cách là luật chuyên ngành điều chỉnh hoạt động dẫn độ, Luật TTTP chưa quy định Bộ Công an là Cơ quan trung ương về dẫn độ; chức năng, vai trò, trách nhiệm của Cơ quan trung ương; chưa quy định các cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ của Việt Nam trong từng trường hợp cụ thể. Việc phân định rõ thẩm quyền các cơ quan trong từng giai đoạn tố tụng góp phần xác định trách nhiệm khi xảy ra sai phạm trong quá trình lập, xử lý yêu cầu dẫn độ; đồng thời, cũng nhận thức rõ hơn về trách nhiệm của mình và hậu quả của việc không thực hiện đúng trách nhiệm, qua đó nâng cao hiệu quả công tác dẫn độ. Đơn vị đầu mối có cơ sở để thực hiện tốt hơn trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc của mình, kịp thời phát hiện các trường hợp sai phạm, hạn chế tối đa bỏ lọt tội phạm.

Bốn là, pháp luật hiện hành đang quy định TANDTC có thẩm quyền, trách nhiệm phúc thẩm quyết định liên quan đến quyết định dẫn độ. Như vậy, TAND cấp cao có thẩm quyền, trách nhiệm phúc thẩm quyết định liên quan đến quyết định dẫn độ (trong khi đó, khoản 5 Điều 40 Luật TTTP quy định TANDTC có thẩm quyền này). Do vậy, cần được quy định lại cho phù hợp bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

3. Trong công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù

- *Về công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế:* (1) Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về TTTP nói chung và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù nói riêng còn chậm so với tiến độ. Điển hình như việc xây dựng Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BCA-BTP-BNG-VKSNDTC-TANDTC ngày 22/02/2013 hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao, tiếp tục thi hành án đối với người đang chấp hành án phạt tù sau 5 năm Luật TTTP có hiệu lực mới được ban hành và Thông tư liên tịch quy định về quan hệ phối hợp thực hiện một số hoạt động trong tố tụng hình sự (gồm dẫn độ, TTTP về hình sự và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù) bắt đầu xây dựng từ năm 2019, đến nay vẫn chưa thể hoàn thành do còn nhiều ý kiến khác nhau giữa các bộ, ngành; (2) Điều 60 của Luật TTTP quy định trong trường hợp Việt Nam chịu chi phí chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù thì chi phí đó do ngân sách nhà nước bảo đảm. Tuy nhiên, Thông tư số 144/2012/TT-BTC ngày 04/9/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác TTTP không có quy định cụ thể về kinh phí cho đoàn công tác của Việt Nam ra nước ngoài tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở Việt Nam về nước

ngoài cũng như chi phí (đi lại, ăn, ở) cho người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam và về chi phí cho cán bộ Việt Nam ra nước ngoài để thực hiện dẫn giải đối tượng truy nã quốc tế của Việt Nam từ nước ngoài về nước;

- *Về công tác chỉ đạo điều hành, phối hợp liên ngành như:* Bộ Công an đã xây dựng cơ chế phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, VKSNDTC, TANDTC cũng như phối hợp giữa các đơn vị trong Công an nhân dân đối với hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, theo đó, đã phân định tương đối rõ về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan có liên quan góp phần tạo ra cơ chế để thực hiện công tác. Tuy vậy, cơ chế phối hợp này cũng bộc lộ những bất cập, thiếu sót làm giảm hiệu quả hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù như: một số cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài gặp khó khăn trong công tác thông kê số liệu, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài; công tác phối hợp với TAND cấp tỉnh trong việc xem xét yêu cầu đề nghị tiếp nhận chuyển giao của phía nước ngoài chưa được như mong muốn khi có hồ sơ tiếp nhận hoặc chuyển giao hay các trại giam nơi người bị kết án được tiếp nhận về Việt Nam cũng như các trại giam nơi phạm nhân nước ngoài được chuyển giao chưa chủ động thông báo về tình hình thi hành hình phạt của những phạm nhân được chuyển giao.

- *Về công tác ký kết và thực hiện các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù:* (1) Trong một số trường hợp việc đàm phán, ký các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù còn bị động, phụ thuộc vào phía đối tác; (2) Hoạt động rà soát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù chưa được tổ chức. Hiệp định đã ký kết được nhiều năm và số lượng công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù tại nước ký kết và công dân nước ký kết đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cũng tương đối lớn nhưng hai bên chưa chuyển giao bất kỳ phạm nhân nào (như: Cam-pu-chia, Thái Lan...); (3) Các cơ quan chức năng của Việt Nam chưa chủ động đề nghị phía nước ngoài chuyển giao bất kỳ phạm nhân nào. Đến nay, Việt Nam mới tiếp nhận 04 công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam để tiếp tục chấp hành án phạt tù theo đề nghị của phía nước ngoài; (4) Sự thiếu quan tâm đến công dân của nước mình đang chấp hành án tại các cơ sở giam giữ hoặc bị quản lý tại các cơ sở lưu trú thuộc trại giam; phạm nhân có nguyện vọng được chuyển giao nhưng cơ quan có thẩm quyền của nước phạm nhân đó mang quốc tịch không đồng ý tiếp nhận do hành vi vi phạm pháp luật của phạm nhân có tính chất nguy hiểm hoặc liên quan đến tình hình chính trị, an ninh quốc gia hoặc không bố trí được chi phí chuyển giao. Người đã chấp hành xong hình phạt tù và bị đưa vào cơ sở lưu trú thường chống đối và đòi hỏi yêu sách, chế độ ăn uống, chăm sóc sức khỏe... dẫn đến khó khăn trong việc quản lý vì họ không còn là phạm nhân; (5) Thủ tục giải

quyết đơn xin chuyển giao kéo dài làm phạm nhân lo lắng, bất an khi chờ văn bản trả lời của các cơ quan có thẩm quyền hai nước, thậm chí có trường hợp sau khi hoàn tất thủ tục chuyển giao thì phạm nhân cũng sắp hết thời hạn thi hành án... điều này đặt ra vấn đề về quản lý phạm nhân trong thời gian chờ các cơ quan xem xét, giải quyết yêu cầu chuyển giao.

4. Khó khăn trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

- *Từ quy định của Luật TTTP như:* (1) Việc các nước yêu cầu cam kết không áp dụng án tử hình là điều kiện để thực hiện yêu cầu ủy thác là vấn đề khá phổ biến trong thực tiễn hoạt động TTTP về hình sự cũng như việc đàm phán, ký kết các hiệp định TTTP về hình sự. Tuy nhiên, Luật chưa có quy định về trình tự, thủ tục cam kết không áp dụng hình phạt tử hình trong hoạt động TTTP về hình sự; (2) Phạm vi TTTP về hình sự quy định tại Điều 17 còn hạn chế, chưa phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Luật TTTP chưa có các quy định về cho phép người tiến hành tố tụng của Bên yêu cầu được tham gia một số hoạt động trong quá trình thực hiện TTTP tại Bên được yêu cầu, tổ chức cho người tại Bên được yêu cầu đến Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ, liên kết điều tra, phối hợp điều tra...v.v...là những hoạt động TTTP đã được quy định ở các ĐUQT song phương và đa phương trong lĩnh vực tư pháp hình sự mà Việt Nam đã ký kết và tham gia; (3) Chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện một số yêu cầu tương trợ: triệu tập người làm chứng, người giám định, dẫn giải người chấp hành án phạt tù ra nước ngoài để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự công dân Việt Nam tại Việt Nam...

- *Từ thực tiễn thực hiện như:* (1) Yêu cầu TTTP về hình sự với nước ngoài phải thông qua nhiều khâu, thường mất nhiều thời gian mới có kết quả, sự khác biệt quy định của pháp luật tố tụng hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài trong khi giải quyết vụ án hình sự phải tuân thủ thời hạn luật định, việc chậm có kết quả tương trợ ảnh hưởng đến quá trình điều tra, tiến độ giải quyết vụ án. Do pháp luật Việt Nam và một số hiệp định chưa quy định thời hạn thực hiện yêu cầu TTTP về hình sự; (2) Chưa có quy định, hướng dẫn thực hiện trường hợp yêu cầu ủy thác phía bạn đề nghị thu giữ tài sản,... kèm theo các lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Với nguyên tắc chủ quyền lãnh thổ thì các lệnh, quyết định đó không có hiệu lực thi hành trên lãnh thổ Việt Nam. Cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện yêu cầu TTTP đó bằng các văn bản, quyết định của mình phù hợp với quy định của nội luật; (3) Việc dịch thuật hồ sơ yêu cầu và kết quả trả lời yêu cầu TTTP về hình sự gặp khó khăn vì chưa có đơn vị chuyên trách dịch thuật thuộc cơ quan Công an, Viện kiểm sát, nhất là từ các địa phương nên phải thuê các đơn vị ngoài ngành dịch, có thể dẫn đến không đảm bảo bí mật nghiệp vụ, mất nhiều thời gian, kinh phí; (4) Việc trung cầu phiên dịch để cơ quan điều tra làm việc với các đối tượng mang quốc

tịch nước ngoài gặp khó khăn, nhất là khi ngôn ngữ không phổ thông, dẫn đến việc lập biên bản ghi lời khai và làm các thủ tục tạm giữ, tạm giam còn vướng mắc; (5) Một số Hiệp định TTTP về hình sự giữa Việt Nam ký kết với đối tác nước ngoài đã lâu cần bổ sung quy định mới để bảo đảm phù hợp với yêu cầu hợp tác; (6) Sự phối hợp giữa cơ quan có liên quan ở cấp trung ương và cơ quan tiến hành tố tụng địa phương trong thực hiện hoạt động TTTP về hình sự còn lúng túng; Cách thức gửi yêu cầu TTTP về hình sự cho nước ngoài của một số cơ quan tiến hành tố tụng thiếu nhất quán; không gửi qua Cơ quan Trung ương là VKSNDTC mà gửi tới Văn phòng INTERPOL Việt Nam, Sở Ngoại vụ, Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao, Đại sứ quán hoặc cơ quan lãnh sự các nước hoặc gửi trực tiếp tới các cơ quan tiến hành tố tụng nước ngoài.

Phần thứ ba

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trong những năm qua, việc thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP của các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh và trong Công an nhân dân đạt được nhiều thành tích quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia nói riêng; đã triệt phá nhiều vụ án có phạm vi, đối tượng với tính chất, loại tội, phương thức, thủ đoạn có tổ chức xuyên quốc gia như mua bán người, rửa tiền, mua bán trái phép chất ma túy; công tác dẫn độ tội phạm, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù thu được kết quả tốt, đáng khích lệ góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ an ninh, trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế, yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với quy định của BLHS, BLTTHS, Luật Phòng, chống mua bán người v.v.... Luật TTTP năm 2007 điều chỉnh 04 lĩnh vực có phạm vi, đối tượng, tính chất đặc thù riêng ở từng lĩnh vực khác nhau đó là: TTTP về dân sự; TTTP về hình sự; dẫn độ tội phạm và chuyển giao người chấp hành hình phạt tù; quy định của Luật TTTP, BLTTHS và Luật ĐUQT năm 2016 thì các bộ, ngành (Bộ Công an, Bộ Tư pháp, VKSNDTC) chủ trì, đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các ĐUQT thuộc lĩnh vực được giao để thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình. Theo đó, việc ký kết ĐUQT cần được tách riêng từng lĩnh vực độc lập, không điều chỉnh nhiều lĩnh vực trong một hiệp định như trước đây đã ký kết với các quốc gia. Hiện nay, Bộ Công an được giao chủ trì, ký kết và tổ chức thực hiện các ĐUQT về an ninh, trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm; dẫn độ và chuyển giao người bị kết án phạt tù; Bộ Tư pháp chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện ĐUQT TTTP về dân sự; VKSNDTC chủ trì, đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện ĐUQT TTTP về

hành sự. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP thời gian tới Bộ Công an kiến nghị, đề xuất như sau:

1. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

- Các bộ, ban, ngành; cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; các tổ chức chính trị xã hội; Công an các đơn vị, địa phương xác định phải đặt công tác này dưới sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, quyết liệt và đưa nội dung vào chương trình hành động, chỉ đạo bằng việc cụ thể hoá thành các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với từng bộ, ngành, đơn vị, địa phương mình trong thực hiện nhiệm vụ, công tác chuyên môn, phối hợp thực hiện liên quan đến nội dung Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP.

- Nâng cao hiệu quả công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP, xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, lâu dài, thường xuyên; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia nói riêng phù hợp với pháp luật Việt Nam trong từng lĩnh vực để nâng cao hơn nữa, chất lượng, hiệu quả công tác này trong những năm tiếp theo.

- Quan tâm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; lồng ghép ưu tiên Chương trình phòng, chống mua bán người với các phong trào, cuộc vận động, chương trình, dự án như giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đẩy mạnh hoạt động tạo việc làm, vay vốn với lãi suất thấp, giúp người dân cải thiện cuộc sống; hỗ trợ nạn nhân bị mua bán tiếp cận dịch vụ như trợ giúp pháp lý, vay vốn, học nghề, tạo việc làm.

2. Hoàn thiện cơ sở pháp lý về công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

- Bám sát tình hình thực tiễn, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật thống nhất liên quan đến công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; chú trọng kết hợp xây dựng đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nội dung và văn bản quy phạm pháp luật hình thức điều chỉnh lĩnh vực thuộc phạm vi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP. Gắn tổ chức thực hiện với công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân bảo đảm đồng bộ, thống nhất. Xây dựng, ban hành quy định về hỗ trợ kinh phí, mức chi, thủ tục thanh toán đối với công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế nói chung và công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân nói riêng để có cơ sở bố trí phù hợp, giảm tải thủ tục hành chính.

- Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành; bộ, cơ quan ngang bộ; UBND cấp tỉnh; tổ chức chính trị xã hội; cơ quan, tổ chức liên quan rà soát văn bản quy phạm pháp luật về công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân. Kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để đề xuất cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Nghiên cứu, phối hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các bộ luật, luật như: BLTTHS, BLHS, Luật Phòng, chống mua bán người, Luật TTTP, Luật Phòng, chống ma túy, Luật Phòng, chống rửa tiền; Luật thi hành án hình sự.v.v...bảo đảm thống nhất, đồng bộ hệ thống pháp luật góp phần thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP trong thời gian tới.

- Bộ Công an tiếp tục nghiên cứu, xây dựng dự án Luật Dẫn độ trình cấp có thẩm quyền theo đúng Nghị quyết số 129/2024/QH15 của Quốc hội và Quyết định số 568/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc xây dựng Luật Dẫn độ nhằm hiện thực hoá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường hợp tác quốc tế về pháp luật, TTTP nói chung và dẫn độ nói riêng tại các nghị quyết, kết luận của Đảng góp phần hoàn thiện pháp luật về dẫn độ theo hướng đồng bộ, thống nhất, khả thi, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế; thúc đẩy hợp tác quốc tế về dẫn độ, nâng cao hiệu quả truy bắt các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn ra nước ngoài; bảo vệ sự tôn nghiêm của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước về dẫn độ; tạo nền tảng ký kết và thực hiện các ĐUQT về dẫn độ. Vì vậy, đòi hỏi pháp luật cần tiếp tục được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý hiệu quả cho hoạt động này và thực tiễn công tác dẫn độ đặt ra yêu cầu bức thiết phải xây dựng Luật Dẫn độ.

- Bộ Công an tiếp tục nghiên cứu, xây dựng dự án Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trình cấp có thẩm quyền theo đúng với Nghị quyết số 129/2024/QH15 của Quốc hội và Quyết định số 568/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc xây dựng Luật nhằm hoàn thiện khung khổ pháp lý theo hướng nhân đạo, toàn diện, khả thi, thúc đẩy hợp tác quốc tế giúp bảo đảm quyền con người của người đang chấp hành án phạt tù; tạo sự đồng bộ, thống nhất hệ thống pháp luật, nền tảng ký kết và thực hiện các ĐUQT liên quan góp phần thực hiện tốt cam kết quốc tế, nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế; tạo điều kiện cho người đang chấp hành án phạt tù được thi hành án trong môi trường thuận lợi nhất, Việt Nam cần hợp tác với các nước để chuyển giao người đang chấp hành án là công dân Việt Nam từ nước ngoài về Việt Nam và ngược lại. Vì vậy, yêu cầu cấp thiết xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong bối cảnh hiện nay.

- VKSNDTC tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Luật TTTP về hình sự trình cấp có thẩm quyền theo đúng Nghị quyết số 1065/NQ-UBTVQH15 ngày 14/6/2024 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về việc thực hiện Nghị quyết số 129/2024/QH15 của Quốc hội.

- Bộ Tài chính nghiên cứu, xây dựng thông tư thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đối với Thông tư số 144/2012/TT-BTC và Thông tư số 43/2022/TT-BTC như: về mức chi, mục chi trong công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế đáp ứng phù hợp với tình hình thực tiễn; đồng thời, thống nhất, đồng bộ với Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng kinh phí, ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác ĐUQT, thỏa thuận quốc tế.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và bảo đảm nguồn lực trong công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

- Nâng cao nhận thức, tầm quan trọng công tác tuyên truyền hoạt động công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; đổi mới nội dung, đa dạng hình thức tuyên truyền đáp ứng phù hợp với từng đối tượng, từng đơn vị, địa phương, đặc biệt là đối tượng trực tiếp thực hiện công tác ĐUQT, thỏa thuận quốc tế; công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP.

- Chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, công nghệ số, hệ thống thông tin cơ sở phù hợp với nhóm đối tượng khác nhau và đặc điểm từng địa phương, đơn vị, hệ lực lượng trong thực thi Công ước UNTOC và nghị định thư TIP. Lựa chọn hình thức tuyên truyền bằng các ngôn ngữ sử dụng của Liên hợp quốc trên nền tảng công nghệ số; các Cổng thông tin, trang thông tin điện tử của các cơ quan có thẩm quyền của tổ chức quốc tế chính thống liên quan đến thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP và của các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị hữu quan trong nước.

- Trong lĩnh vực chuyển giao người chấp hành án phạt tù, cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật Việt Nam liên quan, các ĐUQT đa phương, song phương về chuyển giao người bị kết án phạt tù Việt Nam đã ký kết, là thành viên, đặc biệt đối với công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài. Tổ chức các đoàn khảo sát đến thăm, tìm hiểu điều kiện giam giữ, tâm tư, nguyện vọng của công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở những nước đã ký kết hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù với Việt Nam. Chủ động đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chuyển giao công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù về Việt Nam tiếp tục chấp hành án.

- Cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục quan tâm phân bổ ngân sách đầu tư cho cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị

định thư TIP và công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế. Các bộ, cơ quan ngang bộ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về chính sách đãi ngộ, chế độ phụ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân; công chức, viên chức làm công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế, đấu tranh phòng, chống tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP ở các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị xã hội; UBND các cấp đáp ứng phù hợp với tính chất, mức độ của loại hình lao động đặc biệt này.

4. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, xác định nội dung trọng tâm trong công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

- Nâng cao nhận thức, năng lực, tinh thần trách nhiệm, hình thành ý thức tự giác của cán bộ, công chức, viên chức các bộ, ngành, địa phương; xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế của mỗi bộ, ngành, địa phương và của Bộ Công an có phẩm chất đạo đức tốt, vững vàng chuyên môn nghiệp vụ, về điều tra, xử lý vụ án, TTTP về hình sự, đấu tranh phòng, chống tội phạm, ngoại ngữ, am hiểu tình hình chính trị, xã hội, có kinh nghiệm năng lực, trình độ hiểu biết pháp luật; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ thông tin phục vụ công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP và công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác; xây dựng chính sách, chế độ đãi ngộ tương xứng với người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ công tác này ở các bộ, ngành, UBND, các tổ chức chính trị xã hội các cấp.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ; tổ chức chính trị xã hội và các Sở, ngành; cơ quan, đơn vị liên quan khi tham mưu, trao đổi với UBND cấp tỉnh, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao trong thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an để xây dựng, ký kết các ĐUQT về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, TTTP về hình sự, phòng, chống tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP. Các cơ quan, đơn vị nêu trên xác định nâng cao chất lượng công tác thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP là công tác trọng tâm cần ưu tiên nguồn lực; tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các hệ lực lượng trong Công an nhân dân từ Trung ương đến địa phương. Kịp thời ngăn chặn vụ án, vụ việc có yếu tố tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trách nhiệm; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS, BLHS, Luật TTTP, Luật Phòng, chống mua bán người, Luật

Phòng, chống tham nhũng; Luật phòng, chống rửa tiền.v.v... và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành, các luật khác liên quan.

- Chú trọng công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, nắm tình hình; xây dựng báo cáo giải trình, cơ chế đánh giá của Việt Nam, xây dựng phương thức giải quyết và có phương án phù hợp trong thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP. Chủ động, tăng cường trao đổi thông tin, hợp tác với các nước, tổ chức quốc tế; duy trì phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chức năng dọc tuyến biên giới để nắm tình hình các loại tội phạm nói chung, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia nói riêng. Tổ chức giao ban định kỳ với cơ quan có thẩm quyền các nước có đường biên giới với Việt Nam; thường xuyên trao đổi thông tin tình hình tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tình hình chấp hành án hình sự của phạm nhân là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài đang chấp hành án tại Việt Nam; kịp thời xác minh, giải cứu nạn nhân bị lừa bán, truy bắt các đối tượng phạm tội, đối tượng truy nã về tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP. Thiết lập đường dây nóng (điện thoại, email...) để thu thập thông tin tố giác tội phạm liên quan bảo đảm việc thực thi hiệu quả. Đẩy mạnh việc nghiên cứu so sánh pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, TTTP về hình sự của các nước với quy định pháp luật tương ứng của Việt Nam.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách công tác đối ngoại, thực hiện công tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; TTTP về hình sự, đổi mới hình thức đào tạo, huấn luyện kỹ năng, chiến thuật mang tính thực tiễn, đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài. Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới, những văn bản đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền như xây dựng Luật Dẫn độ, Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.v.v... Có hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP đối với cán bộ, công chức, viên chức cán bộ, chiến sĩ công tác ở các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan.

5. Tăng cường đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về dẫn độ; chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; tương trợ tư pháp về hình sự; phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; mua bán người; rửa tiền, ma túy theo nội dung Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP

- Nghiên cứu, đàm phán ĐUQT và vận dụng pháp luật quốc tế trong ký kết ĐUQT về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, TTTP về

hình sự; chú trọng, quan tâm công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ công tác ĐUQT, công tác thỏa thuận quốc tế, đặc biệt với việc thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP; các bộ luật, luật và những văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành của Việt Nam.

- Trên bình diện khu vực, tiếp tục tham gia xây dựng Hiệp định ASEAN về dẫn độ, sớm xây dựng Công ước ASEAN về chuyển giao người bị kết án phạt tù theo lộ trình của ASEAN, đây sẽ là các văn kiện pháp lý đa phương quan trọng để các nước trong nội khối ASEAN hợp tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Chú trọng công tác đàm phán, ký kết với các nước láng giềng, trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống với Việt Nam, các nước hoặc vùng lãnh thổ có nhiều công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù hoặc công dân của nước đó đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam.

- Đối với các ĐUQT đa phương Việt Nam là thành viên và hiện đang tuyên bố không coi là cơ sở pháp lý trực tiếp để dẫn độ cần tiếp tục nghiên cứu, đề xuất việc rút tuyên bố này nhằm tăng cường hơn nữa hợp tác với các quốc gia. Tiếp tục thúc đẩy đàm phán lại các Hiệp định TTTP mà Việt Nam đã ký kết trước năm 2000 cho phù hợp với pháp luật và tình hình hiện nay; đối với các hiệp định quy định chung nhiều lĩnh vực (hình sự, dân sự, lao động, hôn nhân gia đình.v.v...) cần nghiên cứu, xây dựng tách thành ĐUQT quy định riêng từng lĩnh vực dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, TTTP.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện từng ĐUQT liên quan đến công tác này đã có hiệu lực với Việt Nam, trong đó cần quy định cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong phối hợp giải quyết các yêu cầu thuộc chức năng, thẩm quyền quản lý nhà nước của mỗi cơ quan, đơn vị liên quan; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các ĐUQT này để làm cơ sở đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung được kịp thời.

6. Nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về dẫn độ; chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; tương trợ tư pháp về hình sự

- Giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Bản tự đánh giá việc thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP của Việt Nam; tổ chức các cuộc họp của Tổ chuyên gia Việt Nam; tổ chức tham vấn, chia sẻ kinh nghiệm giữa Tổ chuyên gia Việt Nam với Ban Thư ký Công ước UNTOC và chuyên gia quốc tế trong thực hiện nghĩa vụ quốc gia thành viên Công ước; Biên dịch các tài liệu liên quan phục vụ triển khai hoạt động thuộc Cơ chế đánh giá việc thực thi Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thực hiện hoạt động dẫn độ; chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; TTTP về hình sự không chỉ cho các cơ quan có thẩm quyền trong nước mà cả các

cơ quan nước ngoài, tổ chức quốc tế để các cơ quan này hiểu và nắm được các yêu cầu cơ bản về dẫn độ, chuyển giao của Việt Nam;

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trong việc thực hiện các yêu cầu dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; TTTP về hình sự của nước ngoài; đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài khẩn trương giải quyết các yêu cầu dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; TTTP về hình sự của Việt Nam;

- Theo dõi tình hình của người bị dẫn độ; chuyển giao; yêu cầu TTTP về hình sự từ nước ngoài về Việt Nam, định kỳ thông báo với nước dẫn độ; chuyển giao; gửi yêu cầu TTTP về hình sự; đề nghị phía nước ngoài định kỳ cung cấp thông tin về kết quả xử lý, thi hành hình phạt của người bị dẫn độ, chuyển giao; yêu cầu TTTP về hình sự từ Việt Nam ra nước ngoài. Bên cạnh đó, tiến hành khảo sát khả năng đáp ứng yêu cầu tiếp nhận của các trại giam tại Việt Nam trong trường hợp nhiều công dân Việt Nam đang chấp hành án tại nước ngoài mong muốn được trở về Việt Nam tiếp tục chấp hành án.

- Tăng cường cơ chế phối hợp, chặt chẽ, thường xuyên hơn giữa các cơ quan có liên quan đến hợp tác quốc tế trong tổ tụng hình sự của Việt Nam.

Trên đây là nội dung Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Công ước UNTOC và Nghị định thư TIP của Bộ Công an./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- VKSNDTC, TANDTC (để phối hợp);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan trung ương các tổ chức chính trị, xã hội;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Công an các đơn vị, địa phương;
- Lưu: VT, V03 (P5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trưởng Lê Quốc Hùng